

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BẾN THÀNH (BTT)

186 - 188 Lê Thánh Tôn, Quận 1 – Thành phố Hồ Chí Minh

Mã số thuế : 0 3 0 1 1 6 4 0 6 5

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

Tháng 3/2012

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH

MỤC LỤC

	Trang
Tóm lược lịch sử hoạt động của công ty	02
Báo cáo của Hội đồng quản trị	08
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	11
Các công ty con và công ty liên quan	19
Tổ chức và nhân sự của công ty	20
Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty	45
Báo cáo kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất	Phụ lục
Báo cáo kiểm toán và Báo cáo tài chính Công ty mẹ	Phụ lục

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Tên tiếng anh : **BEN THANH TRADING & SERVICE JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt : **BEN THANH TSC**

Logo :



Địa chỉ : 186 – 188 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 38 223 390 Fax: (84-8) 38 291 389

Email : benthanh@benthanhtsc.com.vn

Website : www.benthanhtsc.com.vn

Vốn điều lệ : 88.000.000.000 VND (Tám mươi tám tỷ đồng).

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Những sự kiện quan trọng:

1.1 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành được thành lập ngày 21 tháng 04 năm 2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002274, tiền thân là Công ty Thương mại tổng hợp Bến Thành, một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Bến Thành.

Năm 1992, Công ty Thương mại tổng hợp Bến Thành được thành lập theo quyết định số 22/QĐ-UB ngày 29/09/1992 trên cơ sở sáp nhập 3 đơn vị thương nghiệp quốc doanh: Công ty Thương nghiệp tổng hợp Quận I, Công ty Thương nghiệp tổng hợp chợ Bến Thành, Công ty Thương nghiệp tổng hợp chợ Dân Sinh.

Năm 1997, Công ty Thương mại tổng hợp Bến Thành trở thành đơn vị thành viên của Tổng Công ty Bến Thành theo quyết định số 7448/QĐ-UB-KT ngày 26/12/1997 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 16 tháng 12 năm 2003, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 5435/QĐ-UB chuyển Công ty Thương mại tổng hợp Bến Thành thành Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành hạch toán kinh tế độc lập.

Ngày 21 tháng 4 năm 2004, Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103002274 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 21/4/2004.

Các lĩnh vực hoạt động của Công ty cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành là : Dịch vụ Thương mại, Dịch vụ địa ốc, Đầu tư tài chính; trong đó dịch vụ bán lẻ tại chợ Bến Thành – chợ Dân Sinh, xuất nhập khẩu tổng hợp các ngành hàng, xây dựng và khai thác trung tâm thương mại - văn phòng cho thuê là những lĩnh vực mũi nhọn của Công ty

Năm 2007, Công ty cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành đủ điều kiện trở thành công ty đại chúng và chính thức đăng ký với Ủy ban chứng khoán Nhà nước vào tháng 06 năm 2007.

Ngày 14/4/2010 Doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu lần đầu trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Quá trình tăng vốn điều lệ tính từ khi cổ phần hóa

Thời gian	Vốn điều lệ	Giá trị tăng thêm	Phương thức tăng vốn điều lệ
Mới thành lập (Ngày 21/04/2004)	25 tỷ đồng		
Lần 1 Tháng 12/2005 (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-2005 ngày 12/04/2005)	30 tỷ đồng	5 tỷ đồng	Phát hành cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu.
Lần 2 (*) Tháng 12/2006 (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-2005 ngày 12/04/2005)	35 tỷ đồng	5 tỷ đồng	Phát hành cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu.
Lần 3 Tháng 05/2007 (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-2007 ngày 09/04/2007)	49 tỷ đồng	14 tỷ đồng	Phát hành cho cổ đông hiện hữu thông qua hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu.
Lần 4 Từ 05/2007 -12/2007 (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-2007 ngày 09/04/2007)	88 tỷ đồng	39 tỷ đồng	Chào bán cho các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> - Phát hành cho cổ đông hiện hữu: tổng giá trị phát hành là 17,15 tỷ đồng. - Phát hành cho cán bộ chủ chốt của Công ty. Tổng giá trị phát hành là 2,45 tỷ đồng. - Phát hành cho cổ đông chiến lược (Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cotecin, và Công ty CP Chứng khoán Phương Đông): Tổng giá trị phát hành là 4 tỷ đồng. - Phát hành thông qua đấu giá cạnh tranh cho các nhà đầu tư chuyên nghiệp: Tổng giá trị phát hành là 15,4 tỷ đồng.

(*) Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-2005 ngày 12/04/2005 đã thông qua phương án tăng vốn từ 25 tỷ đồng lên 35 tỷ đồng, chia làm hai giai đoạn: lần thứ nhất tăng vốn thêm 5 tỷ đồng bằng hình thức chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, lần thứ hai tiếp tục tăng vốn thêm 5 tỷ đồng thông qua chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty.

1.3 Thành tích đạt được:

Là đơn vị chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước, Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành đã luôn phát huy được thế mạnh về kinh nghiệm cũng như những lợi thế sẵn có trong quá trình hoạt động kinh doanh, phát huy tinh thần đoàn kết và lao động sáng tạo của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty.

Ghi nhận những thành quả mà doanh nghiệp đã đạt được trong nhiều năm liền, Chủ tịch Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhì (năm 2005); Hạng Nhất (năm 2010) cho tập thể CBNV của Công ty.

Ngoài ra, đơn vị cũng nhận được rất nhiều Bằng khen, Cờ Thi đua hàng năm của Thủ Tướng Chính phủ, Thành Ủy, UBND Thành phố Hồ Chí Minh khen tặng về thành tích xuất sắc trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc.

MỘT SỐ THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU CỦA DOANH NGHIỆP

HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG	Đối tượng được khen thưởng
A HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG	
- Hạng Nhất	Tập thể CBNV (năm 2010)
- Hạng Nhì	Tập thể CBNV (năm 2005)
- 2 Hạng Ba	Cá nhân (năm 2011)
B BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	
- 2 Bằng Khen	Tập thể CBNV (năm 2002) Tập thể CBNV (năm 2007)
- 7 Bằng Khen	Cá nhân CBNV
C KHEN THƯỞNG CỦA THÀNH ỦY VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
- 16 Bằng Khen và Cờ Thi đua	Tập thể CBNV
- 16 Bằng Khen	Tập thể đơn vị trực thuộc
- 80 Bằng Khen	Cá nhân CBNV

2. Quá trình phát triển:

2.1 Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, xuất nhập khẩu tổng hợp các ngành hàng; kinh doanh nhà hàng, khách sạn, địa ốc.
- Lắp ráp và sửa chữa thiết bị viễn thông, vận chuyển khách du lịch, cho thuê xe, cho thuê nhà, văn phòng, căn hộ.
- Sản xuất, gia công các mặt hàng cơ khí, thủ công mỹ nghệ, quần áo.
- Xuất khẩu các mặt hàng nông sản, thực phẩm chế biến, may mặc, mỹ nghệ ...
- Nhập khẩu nhóm ngành hàng tiêu dùng như điện gia dụng, thiết bị tin học, bách hóa, công cụ cầm tay ..., nhóm ngành hàng phục vụ sản xuất như máy móc thiết bị và linh kiện, hạt nhựa, sắt thép, nhôm, giấy và bột giấy, sơn tĩnh điện ...
- Nhận ủy thác xuất nhập khẩu các nhóm ngành hàng trên.
- Dịch vụ khai thuê thủ tục hải quan và giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Liên kết, hợp tác kinh doanh với mọi thành phần kinh tế.
- Nhận làm nhà phân phối, tổng đại lý tiêu thụ cho các đối tác trong và ngoài nước.
- Thực hiện cung ứng hàng hóa theo nhu cầu khách hàng.
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngành nghề kinh doanh chính

❖ Kinh doanh thương mại

- Vải sợi, hàng may mặc, đồ da và giả da, hàng kim khí điện máy, hàng lưu niệm, mỹ phẩm, đồ chơi trẻ em, tranh sơn mài, hàng mây tre lá, sản phẩm thủ công các loại.
- Nguyên vật liệu, kim loại thành phẩm và bán thành phẩm sử dụng trong xây dựng và sản xuất, sắt, thép, nhôm, bột giấy, giấy.
- Hàng điện lạnh - điện gia dụng, dụng cụ điện cầm tay, khóa các loại, thiết bị phụ tùng máy phục vụ công-nông-ngư nghiệp, thiết bị phòng cháy chữa cháy-viễn thông-cơ khí phục vụ sản xuất các loại.

❖ Kinh doanh dịch vụ

- Kinh doanh Nhà hàng, khách sạn.

- Thuê và cho thuê văn phòng, căn hộ, Trung tâm kinh doanh vàng bạc đá quý;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ xuất nhập khẩu, dịch vụ môi giới.

❖ **Đầu tư tài chính**

- Đầu tư tài chính vào các ngành có liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Hợp tác đầu tư trong các lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng cho thuê, giáo dục, y tế, sản xuất ...

2.2 Tình hình hoạt động

❖ **Giai đoạn 1992 - 1996:**

- Doanh nghiệp hoạt động với số vốn điều lệ ban đầu năm 1992 là 7,3 tỷ đồng chủ yếu tập trung vào lĩnh vực kinh doanh thương mại bán lẻ và bán buôn các ngành hàng: vải sợi, quần áo may sẵn, dụng cụ đồ nghề, thực phẩm công nghệ, đồ dùng gia đình, xe gắn máy, xe ô tô, câu lạc bộ khiêu vũ, nông sản, máy móc thiết bị, sắt, thép, nhôm ...
- Doanh thu bình quân hàng năm 383 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế bình quân 2,1 tỷ đồng và nộp ngân sách bình quân 12 tỷ đồng.

❖ **Giai đoạn 1997 - 2003:**

- Năm 1997, Công ty là đơn vị thành viên thuộc Tổng Công Ty Bến Thành với số vốn điều lệ hoạt động 19 tỷ đồng
- Lĩnh vực hoạt động tập trung chủ yếu vẫn là thương mại, không có sự thay đổi nhiều so với giai đoạn trên, một số ngành hàng phải chấm dứt hoạt động từ chủ trương chính sách của nhà nước như: xe 2 bánh, xe ô tô, câu lạc bộ khiêu vũ. Trong năm 1997 công ty đã đầu tư vốn góp vào Ngân hàng Phương Đông 3 tỷ đồng.
- Doanh thu bình quân hàng năm 202 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế bình quân 3,4 tỷ đồng và nộp ngân sách bình quân 11 tỷ đồng.

❖ **Giai đoạn 2004 - 2007:**

- Năm 2004 đánh dấu bước ngoặt quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khi công ty chính thức chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Trong giai đoạn này Công ty đã nhanh chóng tái cấu trúc lại bộ máy doanh nghiệp, định hướng lại toàn bộ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, phát triển trên 3 lĩnh vực là Thương Mại - Dịch Vụ - Đầu tư tài chính, trong đó xác định trọng tâm phải tập trung nhanh chóng phát triển lĩnh vực dịch vụ.
- Trong giai đoạn này để đáp ứng yêu cầu phát triển, quy mô về vốn không ngừng tăng lên. Qua 4 lần tăng vốn đến cuối năm 2007 số vốn điều lệ của

Doanh nghiệp đạt mức 88 tỷ đồng tăng 352% so với năm 2004. Tương ứng với vốn tăng thì lợi nhuận trước thuế cũng tăng 306%.

- Doanh thu bình quân hàng năm 297 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế bình quân 15,4 tỷ đồng và nộp ngân sách bình quân 20 tỷ đồng.

❖ Giai đoạn 2008 - 2011:

- Khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã tác động mạnh đến kinh tế trong nước năm 2008 và vẫn còn tác động tiêu cực cho đến nay. Điều này đã gây ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh và lợi nhuận của hầu hết các doanh nghiệp. Để đối phó với tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, Doanh nghiệp đã tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng tập trung tăng nguồn thu ở những hoạt động có tỷ suất sinh lợi cao như hoạt động thương mại bán lẻ, cho thuê trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng... đồng thời hạn chế hoạt động thương mại bán buôn trả chậm để tránh rủi ro trong thanh toán. Nhờ vậy kết quả hoạt động kinh doanh đã đạt được hiệu quả khả quan.
- Mức độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận từ năm 2008 đến năm 2011 như sau:

Đvt: 1.000.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011
1	Doanh thu	310.974	208.305	272.301	311.135
2	Lợi nhuận trước thuế	21.314	36.153	43.494	45.668
3	Vốn điều lệ BQ	88.000	88.000	88.000	88.000
4	Tỷ suất LNTT /VĐL	24,22	41,08	49,42	51,90
5	Nộp Ngân sách	24.796	26.985	35.333	46.463

3. Định hướng phát triển

3.1 Mục tiêu chủ yếu của công ty

- Phân đầu để Công Ty luôn không ngừng phát triển với tốc độ tăng trưởng ổn định, bền vững trên cơ sở mở rộng quy mô kinh doanh của doanh nghiệp trên các lĩnh vực Thương Mại - Dịch Vụ - Đầu tư tài Chính.
- Tối đa hóa lợi nhuận, nâng cao giá trị doanh nghiệp, nâng cao lợi ích của các cổ đông, tỷ lệ cổ tức hàng năm đảm bảo tối thiểu là 15%.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, duy trì việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV của công ty.

3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược phát triển của doanh nghiệp đến 2015 : Phát huy lợi thế vị trí địa điểm kinh doanh và năng lực tài chính, hoạt động của doanh nghiệp tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực **Thương mại – Dịch vụ – Đầu tư tài chính**.

▪ **Thương mại :**

Xác định hoạt động bán lẻ là loại hình kinh doanh chủ lực và truyền thống từ nhiều năm qua, doanh nghiệp tiếp tục phát huy những lợi thế và giữ vững được mức độ tăng trưởng trong những năm tới.

Đối với hoạt động bán buôn, Công ty xem xét, chọn lọc ngành hàng kinh doanh có tiềm năng và hiệu quả. Xây dựng ổn định nguồn nhập từ các nhà cung cấp nước ngoài, các nhà sản xuất trong nước, triển khai các hình thức hợp tác phân phối các sản phẩm của các doanh nghiệp trong và ngoài nước đã có thương hiệu để đáp ứng cho nhu cầu sản xuất – tiêu dùng.

▪ **Dịch vụ :**

Được xác định là lĩnh vực kinh doanh chiến lược của Công ty kể từ năm 2004, tạo ra lợi thế cạnh tranh và giúp cho doanh nghiệp giữ vững được tốc độ phát triển bền vững trong những năm sau.

Dựa trên lợi thế so sánh về vị trí trung tâm thành phố và tiềm năng phát triển các loại hình dịch vụ, Công ty sẽ tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất để khai thác bằng những hình thức đa dạng, linh hoạt như : cao ốc văn phòng, căn hộ cho thuê, khách sạn, nhà hàng, cơ sở chăm sóc y tế, cơ sở giáo dục ... nhằm sử dụng tối đa nguồn lực tài sản hiện có, nâng cao hiệu quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.

Duy trì và phát triển loại hình kinh doanh dịch vụ khác như tư vấn, môi giới văn phòng cho thuê, khai thuê hải quan, dịch vụ xuất nhập khẩu, dịch vụ ăn uống ...

▪ **Đầu tư tài chính :**

Mở rộng lĩnh vực hoạt động kinh doanh thông qua các hình thức liên doanh, liên kết, hợp tác hoặc đa sở hữu vốn dựa trên nguyên tắc lợi ích và khai thác thế mạnh của các bên hợp tác

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kinh doanh năm 2011 do ĐHĐCĐ giao:

- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 45,6 tỷ đồng. Trong đó, công ty mẹ thực hiện 40,2 tỷ đạt 114,97% kế hoạch ĐHĐCĐ giao.

- Tỷ lệ cổ tức: Mức chi trả cổ tức năm 2011 cho cổ đông là 30% đảm bảo mức chi trả cổ tức tối thiểu 18% theo chỉ tiêu do ĐHCĐ giao năm 2011.

2. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2011:

❖ **Hoạt động kinh doanh:** Thành lập chi nhánh mới Nhà hàng 117 Cống Quỳnh, Quận I, để hợp tác với Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp TP.HCM kinh doanh trong lĩnh vực ăn uống.

❖ **Đầu tư tài chính:**

- Nhận chuyển nhượng 440.000CP Công ty Cổ phần TMDV Bến Thành Tân Bình với giá trị đầu tư 5,72 tỷ đồng.
- Ngưng hợp tác với Trường Trung Học Phổ Thông Tư Thục Phan Bội Châu trong việc mở Cơ sở 3 của Trường tại tòa nhà 289 Đinh Bộ Lĩnh, sẽ thu hồi vốn đầu tư 1,89 tỷ đồng.

- **Cơ cấu lại cổ phiếu:**

- Chuyển nhượng toàn bộ 500.000 cổ phần Công ty CP Chứng khoán Phương Đông (ORS).
- Chuyển nhượng 170.576 cổ phần Ngân hàng TMCP Eximbank. Số cổ phần Ngân hàng TMCP Eximbank còn đến cuối kỳ là 30.702CP với giá trị đầu tư 413 triệu đồng.

3. Triển vọng và kế hoạch trong năm 2012:

❖ **Kế hoạch lợi nhuận trước thuế công ty mẹ**

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2011	Kế hoạch năm 2012	% tăng giảm so với năm 2011
Lợi nhuận trước thuế	40,24	41	1,9%
Tỷ lệ cổ tức chi trả	30%	tối thiểu 18%	

❖ **Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

PHÂN TÍCH SWOT

Điểm mạnh

- Là Công ty cổ phần được chuyển thể từ DNNN, có quá trình hoạt động trong ngành thương mại trên 30 năm, với hoạt động bán lẻ truyền thống tăng trưởng ổn định, tập trung chủ yếu tại trung tâm của thành phố.

- Quản lý và sử dụng nhiều địa điểm kinh doanh với vị trí thuận lợi trên địa bàn Quận 1, có hợp đồng thuê đất dài hạn.
- Nguồn lực tài chính mạnh có điều kiện để thực hiện các các dự án trong thời gian sắp tới.
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên có nhiều kinh nghiệm.

Điểm yếu

- Mạng lưới kinh doanh còn giới hạn.
- Ngoài khu vực chợ Bến Thành và Dân Sinh thì các điểm kinh doanh còn lại phần lớn có diện tích không lớn, khó triển khai những kế hoạch phát triển.
- Trong lĩnh vực hoạt động thương mại, do quá trình lịch sử hình thành trước đây là kinh doanh tổng hợp nhiều ngành hàng nên khó liên kết để tạo ra ưu thế cạnh tranh so với những đơn vị kinh doanh chuyên ngành.
- Hiệu quả sử dụng vốn chưa cao.

Cơ hội

- Lãi suất cho vay duy trì ở mức cao làm thị trường bất động sản đóng băng. Hiện tại, trên thị trường giá căn hộ ở một số dự án có giá bán ra thấp. Đây là cơ hội cho các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính đầu tư đón đầu sự hồi phục của thị trường.
- Tương tự, giá cổ phần của một số doanh nghiệp cùng ngành có thương hiệu, hiệu quả sử dụng vốn cao được thị trường định giá thấp. Đây là cơ hội đầu tư mua bán sáp nhập doanh nghiệp, tận dụng và khai thác các lợi thế sẵn có để phát triển và mở rộng quy mô hoạt động.
- Tình hình chính trị - xã hội ổn định, dự báo lượng khách du lịch sẽ tiếp tục tăng trong các năm tiếp theo, góp phần làm tăng sức mua tại Trung tâm Bến Thành Đông và Bến Thành Tây.

Nguy cơ

- Tiền thuê đất, các chi phí đầu vào điện, nước, nhiên liệu ... có khả năng tăng làm giảm lợi nhuận là điều khó tránh khỏi.
- Mở cửa thị trường bán lẻ sẽ làm gia tăng đối thủ cạnh tranh với tiềm lực kinh tế lớn, làm giảm thị phần của doanh nghiệp.
- Lãi vay vẫn duy trì ở mức cao sẽ làm giảm quy mô đầu tư của các nhà máy, xí nghiệp, điều này ảnh hưởng đến sức tiêu thụ ngành hàng máy móc, thiết bị tại khu vực Chợ Dân Sinh.
- Trước khó khăn chung của nền kinh tế năm 2012, một số doanh nghiệp sẽ cắt giảm chi phí nên một số đối tác có khả năng trả lại mặt bằng hoặc giảm diện tích đang thuê.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính:

Báo cáo tài chính hợp nhất và chưa hợp nhất của doanh nghiệp đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học TP. HCM (AISC), dưới đây là một số chỉ tiêu tài chính cơ bản phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp trong năm 2011:

❖ Báo cáo hợp nhất

STT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn / Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	60,87 39,13	54,22 45,78
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	21,49 78,13	23,86 75,68
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,30 3,69	2,33 3,04
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế - Tỷ suất lợi nhuận / Tổng tài sản - Tỷ suất lợi nhuận / Doanh thu thuần - Tỷ suất lợi nhuận / Nguồn vốn chủ sở hữu	%	9,86 12,20 12,62	9,91 11,05 13,10

❖ Báo cáo Công ty mẹ

STT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn / Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	63,22 36,78	57,20 42,80
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	22,55 77,45	25,07 74,93
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,15 3,57	2,13 2,85
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế - Tỷ suất lợi nhuận / Tổng tài sản - Tỷ suất lợi nhuận / Doanh thu thuần - Tỷ suất lợi nhuận / Nguồn vốn chủ sở hữu	%	9,54 12,14 12,32	9,01 10,21 12,02

- Tài chính lành mạnh, cơ cấu nguồn vốn hợp lý, đòn bẩy tài chính thấp; các lĩnh vực hoạt động kinh doanh đều được kiểm soát các rủi ro thông qua việc trích lập các quỹ dự phòng, mua bảo hiểm nhằm bảo toàn vốn.
- Tổng nguồn vốn dài hạn của doanh nghiệp đủ đảm bảo cho tài sản dài hạn và đáp ứng cho nhu cầu vốn đầu tư vào các dự án theo kế hoạch của Công ty.
- Khả năng thanh toán của doanh nghiệp tốt, hiệu quả sử dụng vốn khá, tuy nhiên giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước.
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011: Trên Báo cáo hợp nhất là 29.836 đồng/cổ phần tương đương vốn chủ sở hữu 262.559.652.438 đồng. Trên báo cáo công ty mẹ là 29.264 đồng/cổ phần tương đương vốn chủ sở hữu 257.523.989.152 đồng.
- Vốn điều lệ trong năm không thay đổi: 88.000.000.000 đồng.
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:
Cổ phiếu phổ thông: 8.800.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/CP).
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:
Cổ phiếu phổ thông: 8.800.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/CP).
- Cổ tức: Dự kiến cổ tức năm 2011 được trả bằng tiền tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ là 30%/năm, đã tạm ứng đợt 1 trong năm 2011 là 10% và đợt 2 vào tháng 1/2012 là 8%. Dự kiến đợt 3 sau Đại hội cổ đông là 12%.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2.1 Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế toàn hệ thống:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2010	Thực hiện 2011	Tỷ lệ Tăng-giảm
1. Doanh thu	272.301	311.135	14,26%
2. Lợi nhuận trước thuế	43.494	45.668	5,00%
3. Lợi nhuận sau thuế:	33.213	34.383	3,52%
4. Lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông công ty mẹ	32.714	33.732	3,11%
5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	3.717	3.833	3,11%

2.2 Phân tích hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần TM-DV Bến Thành

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	So sánh (%)	
				2011/2010	TH/KH
1. Doanh thu	264.878	286.000	303.112	114,43	105,98
2. Lợi nhuận trước thuế	40.749	35.000	40.240	98,75	114,97
3. Lợi nhuận sau thuế:	32.147	27.750	30.950	96,28	111,53
4. Vốn điều lệ	88.000	88.000	88.000	100,00	100,00
5. Tỷ suất LNTT/VĐL (%)	46,31	39,77	45,73		
6. Tỷ suất LNST/VĐL (%)	36,53	31,53	35,17		
7. Cổ tức (%)	30	18	30		

2.2.1 Chỉ tiêu doanh thu:

Tổng Doanh thu: thực hiện 303,1 tỷ đồng, vượt 5,98% so kế hoạch năm, tăng 14,43% so năm trước. Chi tiết như sau:

- a. **Kinh doanh thương mại:** Doanh thu thực hiện 233,1 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 76,91% doanh thu, đạt 97,14% kế hoạch, tăng 4,87% so năm trước. Chi tiết như sau:

➤ **Lĩnh vực bán buôn:** chủ yếu doanh thu từ hàng nhập khẩu, với tổng kim ngạch nhập khẩu trong kỳ đạt 1,67 triệu USD tăng 9,46% so năm trước. Các ngành hàng kinh doanh chủ yếu là: máy móc thiết bị, máy điều hòa không khí, xe ô tô các loại và nguyên liệu công nghiệp, điện gia dụng...

- Trong kỳ doanh thu thực hiện 38,1 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 12,58%, đạt 54,46% kế hoạch năm và giảm 36,87% so với năm trước.
- Nguyên nhân giảm do chính sách hạn chế nhập siêu của chính phủ và chủ trương kiểm soát rủi ro công nợ của công ty.

➤ **Lĩnh vực bán lẻ:** tiếp tục duy trì mức tăng trưởng ổn định, ngành hàng chủ yếu là vải sợi may mặc, quần áo may sẵn, hàng thủ công mỹ nghệ tại Trung tâm Bến Thành và điện gia dụng, máy móc thiết bị, dụng cụ điện cầm tay ở Trung tâm Dân Sinh.

- Doanh thu thực hiện 195 tỷ, chiếm 64,34% trên tổng doanh thu, vượt 14,71% kế hoạch và tăng 20,44% so năm trước.

- Nguyên nhân tăng chủ yếu từ các điểm kinh doanh thuộc khu vực các chợ và chủ trương mở rộng mạng lưới kinh doanh bán lẻ của doanh nghiệp.
- b. **Kinh doanh dịch vụ:** Tổng doanh thu thực hiện là 69,9 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 23,09% vượt 52,12% kế hoạch năm và tăng 64,39% so năm trước. Chi tiết như sau:

➤ **Kinh doanh dịch vụ ăn uống:**

- Doanh thu thực hiện là 3,6 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 1,2%, vượt 20,9% kế hoạch năm và tăng 23,33% so với năm trước.
- Nguyên nhân tăng doanh nghiệp đã phát triển thêm 01 nhà hàng tại số 117 đường Công Quỳnh, Quận 1.

➤ **Kinh doanh dịch vụ khác:** chủ yếu là hoạt động kinh doanh mua bán bất động sản và dịch vụ cho thuê bất động sản. Tổng doanh thu thực hiện 66,3 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 21,89%, trong đó:

- **Kinh doanh mua, bán bất động sản :** Doanh thu thực hiện là 21,6 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 7,14%, là khoản doanh thu phát sinh từ việc chuyển nhượng các căn hộ chung cư và bất động sản doanh nghiệp đã đầu tư.
- **Dịch vụ cho thuê bất động sản:** Doanh thu thực hiện 42,1 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng trên doanh thu 13,91%, vượt 13,99% kế hoạch năm và tăng 14,15% so với năm trước. Nguyên nhân tăng là do doanh nghiệp đưa vào khai thác thêm cao ốc văn phòng 2-4 Lưu Văn Lang và các tầng còn trống của tòa cao ốc 186-188 Lê Thánh Tôn cũng như phát sinh từ việc điều chỉnh tăng giá cho thuê.

2.2.2 Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế:

Phân tích cơ cấu lợi nhuận trước thuế năm 2011

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		So sánh với 2010	
	Lợi nhuận	Tỷ trọng	Lợi nhuận	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ lệ Tăng-giảm
1. Thương Mại-Dịch vụ	29.146	71,53%	38.600	95,92%	9.454	32,44%
2. Hoạt động tài chính	11.570	28,39%	1.325	3,29%	-10.245	-88,55%
3. Thu nhập khác	33	0,08%	315	0,78%	282	854,55%
Tổng cộng	40.749	100%	40.240	100%	-509	-1,25%

- **Lợi nhuận trước thuế** : thực hiện trong năm là 40,2 tỷ đồng, vượt 14,97% kế hoạch năm và giảm 1,25% so năm trước. Trong đó:
 - **Kinh doanh thương mại - dịch vụ**: Lợi nhuận trước thuế thực hiện 38,6 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 95,92% tăng 32,44% so với năm trước.
 - **Hoạt động đầu tư tài chính**: Lợi nhuận trước thuế lãi 1,3 tỷ đồng giảm 10,2 tỷ đồng với tỷ lệ giảm 88,55% so với năm 2010. Nguyên nhân do trong kỳ trích lập khoản dự phòng giảm giá chứng khoán 9,5 tỷ đồng và chuyển nhượng các cổ phiếu để tái cơ cấu danh mục đầu tư.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ đạt 45,73%, giảm nhẹ so với năm trước, tương tự tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 35,17% và giảm 1,36% so với năm trước.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu đạt 15,63%, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt 12,02% và giảm nhẹ so với năm trước.

2.3 Báo cáo hoạt động đầu tư tài chính :

- Tính đến 31/12/2011 Công ty đã tham gia đầu tư tài chính với tổng số vốn đầu tư là 61,9 tỷ đồng tập trung chủ yếu là các đơn vị doanh nghiệp tham gia góp vốn với tư cách cổ đông sáng lập. Trong đó
 - Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là 0,9 tỷ đồng.
 - Khoản đầu tư tài chính dài hạn là 61 tỷ đồng.
- Số đã trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư tính đến cuối ngày 31/12/2011 là 18 tỷ đồng.

2.4 Thực hiện các dự án đầu tư:

Tiếp tục thực hiện kế hoạch triển khai các dự án đầu tư, đồng thời xem xét lại tính khả thi của một số dự án để chuyển đổi kịp thời phù hợp với tình hình mới. Trong năm đã thực hiện những nội dung sau:

- **Dự án khách sạn 25 Trương Định**: đang xây dựng sẽ đưa vào khai thác năm 2012.
- **Dự án 361 Trần Hưng Đạo**: đã có giấy phép xây dựng, tạm thời giãn tiến độ đầu tư, chờ thời điểm thích hợp sẽ khởi công xây dựng.
- **Dự án 220-222-224-226 Lê Thánh Tôn, Dự án 119-120-121 Bến Chương Dương Quận 1**: đang trong giai đoạn lập dự án đầu tư và xin giấy phép xây dựng.

3. Những tiên bộ công ty đã đạt được:

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại Hội Đồng Cổ Đông giao, đảm bảo việc chi trả cổ tức theo Nghị quyết.
- Đảm bảo tình hình tài chính của doanh nghiệp lành mạnh; đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vốn hoạt động của doanh nghiệp.
- Duy trì được việc làm và thu nhập cho hơn 340 người lao động, đồng thời hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách nhà nước.
- Đã thực hiện việc tái cấu trúc bộ máy quản lý điều hành của doanh nghiệp.
- Tập trung công tác đào tạo, huấn luyện cho CB CNV.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2012:

4.1 Dự báo tình hình:

- Lạm phát vẫn có khả năng nguy cơ tăng cao do biến động giá dầu, giá cả hàng hóa trên thế giới và thời tiết.
- Lãi suất cho vay, lãi suất huy động có xu hướng giảm nhưng vẫn duy trì ở mức cao.
- Tỷ giá VNĐ/USD dự báo tiếp tục điều chỉnh tăng.
- Tiền thuê đất năm 2012 tăng cao, tiền điện, nước, xăng dầu được điều chỉnh theo giá thị trường sẽ làm chi phí đầu vào gia tăng đột biến ảnh hưởng đến tình hình thực hiện kế hoạch của đơn vị.
- Nhu cầu về cao ốc văn phòng đã có dấu hiệu giảm trong khi nguồn cung về văn phòng cho thuê tăng cao sẽ làm cho giá thuê văn phòng sẽ điều chỉnh giảm.
- Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty và khách hàng thuê văn phòng sẽ gặp khó khăn ảnh hưởng đến dòng thu nhập của doanh nghiệp.
- Thị trường chứng khoán, bất động sản khó có sự tăng trưởng do chính sách thắt chặt tiền tệ.

4.2 Mục tiêu:

- Tiếp tục ổn định hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, huy động mọi nguồn lực, tập trung các giải pháp điều hành, phấn đấu thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2012 do Đại hội đồng cổ đông giao nhằm gia tăng giá trị doanh nghiệp và nâng cao lợi ích cho cổ đông.
- Tăng cường công tác dự báo, nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn doanh nghiệp an toàn, hiệu quả.

- Tiếp tục đào tạo huấn luyện người lao động theo hướng nâng cao tính chuyên nghiệp, nhằm tạo điều kiện cho bộ máy điều hành vận hành phù hợp với tình hình phát triển của công ty trong giai đoạn hiện nay cũng như các năm sắp tới.
- Duy trì ổn định việc làm, đảm bảo thu nhập, đời sống của người lao động.

4.3 Thực hiện kế hoạch năm 2012 với các chỉ tiêu cơ bản:

- Tổng doanh thu : 290 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 41 tỷ đồng
- Cổ tức tối thiểu : 18%/năm

4.4 Nhiệm vụ - Giải pháp:

❖ Hoạt động kinh doanh:

▪ Lĩnh vực kinh doanh thương mại

- Tăng cường công tác dự báo tình hình thị trường, tỷ giá ngoại tệ có liên quan đến hoạt động kinh doanh thương mại.
- Phát triển các dòng sản phẩm mới, tập trung nhập khẩu các nhóm máy móc thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu cung ứng cho sản xuất, trường dạy nghề...
- Tiếp tục ưu tiên và đầu tư cho phát triển hoạt động kinh doanh bán lẻ, phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động nhập khẩu và hoạt động bán lẻ của các đơn vị trực thuộc, đồng thời mở rộng kênh phân phối bán lẻ thông qua các kênh trung tâm thương mại, siêu thị, thương mại điện tử.
- Tăng cường công tác tiếp thị, quảng bá thương hiệu của doanh nghiệp nhân các dịp lễ lớn cũng như sự kiện kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Công ty để nâng cao hiệu quả hoạt động cho toàn doanh nghiệp.

▪ Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ

- Tập trung nghiên cứu, mở rộng các loại hình kinh doanh dịch vụ như: căn hộ cho thuê, khách sạn, nhà hàng ...
- Tăng cường công tác tiếp thị để sớm đưa và khai thác các mặt bằng còn trống và các dự án đầu tư chuẩn bị đưa vào khai thác.

▪ Thực hiện các dự án đầu tư

- Tập trung mọi nỗ lực giải quyết các vướng mắc và hoàn thành các thủ tục pháp lý để thực hiện các dự án đầu tư: 25 Trương Định, dự án khách sạn 220-222-224-226 Lê Thánh Tôn, dự án 119-121 Bến Chương Dương.
- Tiến hành đàm phán với các đối tác thúc đẩy nhanh việc thực hiện dự án khu phức hợp thương mại - dịch vụ Dân Sinh.

❖ Tài chính

- Tăng cường công tác quản trị rủi ro, kiểm soát chặt chẽ các chi phí hoạt động toàn doanh nghiệp.
- Tiếp tục tăng cường công tác dự báo về kinh tế vĩ mô để hạn chế tối đa những rủi ro thiệt hại của doanh nghiệp.
- Kiểm soát dòng tiền hàng ngày, tăng cường công tác quản trị, kiểm soát việc cân đối nguồn vốn, đảm bảo tình hình tài chính ổn định, lành mạnh.
- Phân tích đánh giá và cơ cấu lại danh mục cổ phiếu Công ty đang đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư cũng như giảm thiểu rủi ro.
- Cân nhắc việc mua lại cổ phiếu quỹ trong trường hợp giá giao dịch cổ phiếu BTT của công ty giảm mạnh.

❖ Nguồn nhân lực

- Xây dựng, bổ sung chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng để làm đòn bẩy động viên khuyến khích người lao động phát huy sự năng động, sáng tạo và thực hiện hoàn thành nhiệm vụ.
- Tổ chức các chương trình huấn luyện và đào tạo đội ngũ CBCNV phù hợp với mục tiêu phát triển từng thời kỳ và chiến lược phát triển dài hạn của doanh nghiệp.
- Tuyển dụng lực lượng trẻ bán hàng và quản lý chuyên nghiệp bổ sung vào nguồn nhân lực của Công ty.
- Thu hút nguồn nhân lực giỏi có khả năng làm việc độc lập, chịu được áp lực cao để đáp ứng sự phát triển của doanh nghiệp trong giai đoạn mới.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán và được đính kèm ở phần cuối báo cáo này.

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM (AISC)
- Ý kiến kiểm toán độc lập: báo cáo kiểm toán được đính kèm ở phần cuối báo cáo này.

2. Kiểm toán nội bộ: Không có.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức:

Công Ty TNHH TMDV Bến Thành Sun Ny: vốn điều lệ là 10 tỷ đồng, công ty góp vốn chiếm 90% VĐL.

2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức: Chưa có.

3. Tình hình đầu tư và tóm tắt về hoạt động, tình hình tài chính của các công ty liên quan tính đến 31/12/2011:

❖ Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny :

Là công ty con với vốn đầu tư là **12.000.000.000** đồng (mệnh giá đầu tư là 9.000.000.000 đồng, chiếm 90% Vốn điều lệ). Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny đang khai thác dự án cao ốc văn phòng cho thuê 208-210 Lê Thánh Tôn; dự án đã đi vào hoạt động trong năm 2008 và đang phát huy hiệu quả. Trong năm 2011, tổng doanh thu thực hiện 10,6 tỷ đồng tăng 6,48% so với năm trước, lợi nhuận sau thuế đạt 5,9 tỷ đồng tăng 19,11% so năm trước, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ là 59,5%

❖ Công ty TNHH Bến Thành – Savico:

Công ty TNHH Bến Thành Savico có trụ sở tại 17-19 Trần Hưng Đạo. Công ty góp vốn và tham gia quản trị điều hành, tổng vốn đầu tư là **0,7** tỷ đồng (chiếm 23% Vốn điều lệ) là Công ty liên kết cùng hợp tác khai thác ngành xe 2 bánh nhãn hiệu SYM, Tổng doanh thu thực hiện năm 2011 là 109,6 tỷ đồng tăng 8,55% so với năm trước, lợi nhuận sau thuế 1,99 tỷ đồng tăng 15,34% so với năm trước. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ 66,51%.

❖ Công ty CP Đầu tư & DV Dân Sinh

Chuyên kinh doanh ngành bất động sản với số vốn điều lệ 100 tỷ đồng, tỷ lệ vốn góp của công ty 25%. Công ty thành lập trên cơ sở liên kết với các doanh nghiệp để cùng đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh khu phức hợp Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, khách sạn tại khu vực chợ Dân Sinh.

❖ Công ty CP TM-DV Bến Thành Tân Bình :

Cùng hợp tác đầu tư với các đối tác khai thác kinh doanh Trung tâm hội nghị tiệc cưới Âu Cơ với tổng diện tích sàn xây dựng hơn 9.000 m²;

Vốn điều lệ 22 tỷ đồng, tỷ lệ vốn góp của Công ty 20%;

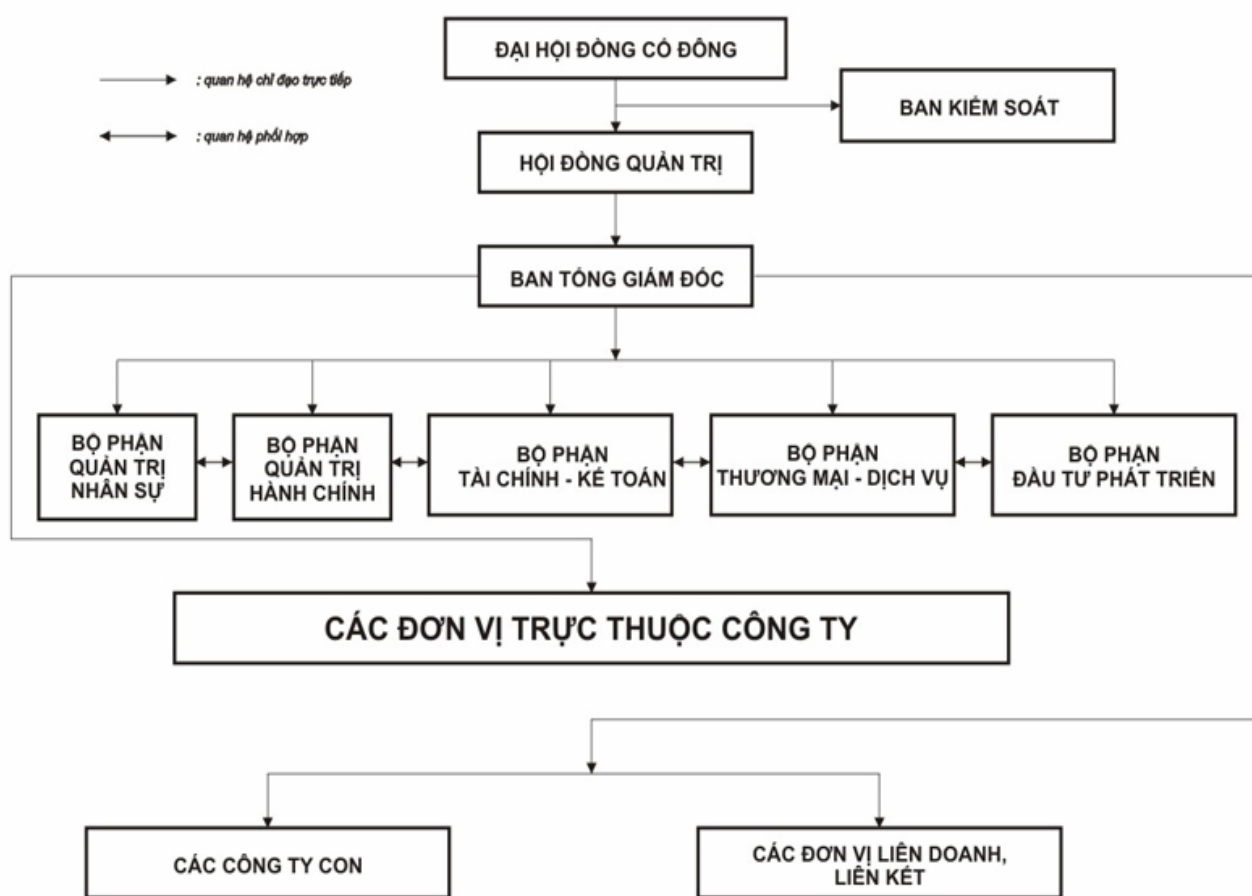
Đã hoàn thành xong việc xây dựng và đưa vào hoạt động trong quý 1 năm 2012.

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của công ty:

Công ty tập trung khai thác hoạt động kinh doanh trên địa bàn trung tâm thành phố. Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm: Văn phòng Công ty, 04 trung tâm kinh doanh (Trung tâm Bến Thành Đông, Trung tâm Bến Thành Tây, Trung tâm Dân Sinh, Trung tâm vàng bạc đá quý Bến Thành), 01 Công ty con (Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny), và các cửa hàng trực thuộc, hợp tác liên doanh trên địa bàn trung tâm quận 1 và các quận lân cận trong thành phố.

1.1 Mô hình tổ chức quản lý của công ty:



- Hội đồng quản trị	:	05 người
- Ban kiểm soát	:	03 người
- Ban Tổng Giám đốc	:	03 người
- Các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ	:	39 người
▪ <i>Quản trị nhân sự</i>	:	4 người
▪ <i>Quản trị hành chính</i>	:	15 người
▪ <i>Tài chính-kế toán</i>	:	7 người
▪ <i>Thương mại-dịch vụ</i>	:	6 người
▪ <i>Đầu tư phát triển</i>	:	7 người
- Các đơn vị trực thuộc	:	296 người

1.2 Chức năng nhiệm vụ của bộ máy quản lý công ty

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất trong Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty về tình hình hoạt động kinh doanh và quản lý Công ty, quyết định các phương án phát triển dài hạn của Công ty, sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, và các quyền khác theo Điều lệ Công ty và theo pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát gồm 03 người do ĐHĐCĐ bầu ra, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm.

Ban Tổng Giám đốc

Ban điều hành hiện tại của Công ty gồm có một Tổng Giám đốc, hai Phó Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 năm. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty có quyền và nghĩa vụ điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, và chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chức năng, nhiệm vụ chung của các bộ phận :

Các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ có các quyền và nhiệm vụ chung như sau:

- Trực tiếp thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn - nghiệp vụ theo phân cấp của TGD và theo quy định tại Quy chế quản trị điều hành Công ty.
- Tham mưu TGD trong các lĩnh vực được phân công nhằm đưa hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.
- Phối hợp với các bộ phận chuyên môn - nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc Công ty để thực hiện tốt nhiệm vụ.

- Hướng dẫn và kiểm tra nghiệp vụ đối với các đơn vị trực thuộc Công ty.
- Xây dựng mục tiêu, chiến lược cấp chức năng và kế hoạch hàng năm của bộ phận trình TGD.
- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho TGD về kết quả hoạt động, những thuận lợi, khó khăn và đề xuất hướng giải quyết hoặc các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận.
- Đề xuất TGD khen thưởng, kỷ luật đối với các nhân viên trong Bộ phận.
- Các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế quản trị điều hành Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.

Giám đốc bộ phận có trách nhiệm tổ chức, điều hành hoạt động của Bộ phận theo chức năng, nhiệm vụ được quy định và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của TGD.

Nhân viên thuộc bộ phận có trách nhiệm thực hiện các công việc theo sự phân công của Giám đốc bộ phận.

1.2.1 Bộ phận Quản trị nhân sự

Bộ phận quản trị nhân sự tham mưu, giúp việc TGD trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực, lao động - tiền lương. Bộ phận quản trị nhân sự có chức năng và nhiệm vụ như sau:

- Quản trị và phát triển nguồn nhân lực:
 - Tham mưu trong công tác quy hoạch, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, nghỉ hưu, thôi việc và giải quyết các chế độ chính sách đối với người lao động.
 - Xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn đánh giá người lao động và tổng hợp kết quả đánh giá người lao động tại các bộ phận, đơn vị trực thuộc.
 - Xây dựng tiêu chuẩn chức danh chuyên môn, nghiệp vụ.
 - Thực hiện các báo cáo, thống kê lao động – tiền lương định kỳ theo quy định pháp luật hoặc đột xuất theo yêu cầu cơ quan chức năng.
 - Tham mưu, thực hiện công tác tuyển dụng lao động theo đề xuất của các Bộ phận, đơn vị trực thuộc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc theo chiến lược phát triển của Công ty.
 - Lập kế hoạch và tổ chức đào tạo, tái đào tạo nhân sự trong toàn Công ty ; theo dõi và đánh giá hiệu quả công tác đào tạo.
 - Tổ chức kiểm tra các đơn vị về công tác quản lý nhân sự, thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, phương thức phân phối tiền lương,

tiền thưởng, chấp hành các quy định pháp luật liên quan đến người lao động.

- Quản lý hồ sơ người lao động.
- Xây dựng cấu trúc bộ máy quản lý phù hợp chiến lược phát triển của Công ty:
 - Tham mưu Ban Tổng giám đốc trong phương án tổ chức bộ máy Công ty theo từng giai đoạn cụ thể phù hợp chiến lược của Công ty, chức năng nhiệm vụ cơ cấu tổ chức các Bộ phận, đơn vị trực thuộc Công ty.
 - Theo dõi và tiếp nhận phản ánh về quan hệ tác nghiệp giữa các bộ phận, đơn vị trực thuộc để có kiến nghị điều chỉnh cơ cấu và nhiệm vụ cho phù hợp.
- Xây dựng hệ thống lương và các chế độ chính sách cho người lao động:
 - Xây dựng định mức lao động, đơn giá tiền lương hằng năm; đề xuất quỹ lương Công ty, quỹ lương cố định của các đơn vị trực thuộc.
 - Thực hiện việc tính lương và kiểm tra bảng lương của các bộ phận, các đơn vị trực thuộc Công ty; lập danh sách chi thưởng cho CBNV cuối năm; đề xuất Quỹ lương cố định của các đơn vị trực thuộc khi có sự thay đổi về nhân sự; thực hiện nâng lương, chuyển xếp lương theo đúng quy định cho người lao động.
 - Thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định pháp luật và quy định Công ty: ký kết hợp đồng lao động, chế độ BHXH-BHYT-BHTN, bảo hộ lao động, nghỉ phép năm, khám sức khỏe định kỳ.
 - Thực hiện soạn thảo và đăng ký nội quy lao động, thang bảng lương, đăng ký xếp hạng với Sở LĐTBXH TpHCM.
 - Thực hiện việc đăng ký mã số thuế thu nhập cá nhân, tạm thu hằng tháng và quyết toán cuối năm thuế TNCN của người lao động.
 - Thực hiện mua bảo hiểm tai nạn con người và tiến hành các thủ tục khi có vụ việc xảy ra.
- Công tác thi đua:
 - Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật theo đúng quy định pháp luật và quy định Công ty;
 - Xây dựng hệ thống các tiêu chí đánh giá CBNV và tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành công việc của CBNV trong toàn Công ty theo định kỳ.
 - Tiến hành các thủ tục đề nghị Hội đồng thi đua các cấp khen thưởng các danh hiệu thi đua cho Công ty, các đơn vị và cá nhân trực thuộc công ty; hướng dẫn cho các tập thể và cá nhân viết báo cáo thành tích theo quy định.

- Công tác pháp chế:
 - Tham mưu, tham gia xây dựng và rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ và các quy định khác của Công ty phù hợp quy định pháp luật hiện hành và đặc điểm tình hình của công ty.
 - Theo dõi và hướng dẫn việc thực thi pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định khác của công ty trong quá trình hoạt động.
 - Dự thảo các hợp đồng, văn bản theo sự phân công của Ban Tổng Giám đốc.
 - Tham gia thẩm định, góp ý về mặt pháp lý các hợp đồng, văn bản do các bộ phận, đơn vị trực thuộc yêu cầu.
 - Làm đầu mối trong việc sử dụng dịch vụ tư vấn pháp lý bên ngoài
- Các nhiệm vụ khác do Ban Tổng Giám đốc phân giao.

Điều hành hoạt động của Bộ phận Quản trị nhân sự là Giám đốc Bộ phận, chịu trách nhiệm trước TGD về kết quả hoạt động của Bộ phận mình.

1.2.2 Bộ phận Quản trị hành chính

Bộ phận Quản trị Hành chính tham mưu, giúp việc TGD trong lĩnh vực quản trị hành chính. Bộ phận quản trị Hành chính có chức năng và nhiệm vụ như sau:

- Quản trị hành chính văn phòng:
 - Thực hiện công tác hành chính văn thư, lưu trữ, quản lý con dấu, lễ tân, khánh tiết, tạp vụ, các phương tiện phục vụ hội nghị và các công tác hậu cần khác của Công ty.
 - Soạn thảo các văn bản hành chính và mẫu thống nhất toàn Công ty.
 - Quản lý các chi phí hành chính văn phòng: đề xuất và kiểm soát các chi phí hành chính như: nhiên liệu, văn phòng phẩm, điện thoại, báo chí, điện, nước v.v...
 - Cấp phát các loại văn phòng phẩm, báo chí phục vụ nhu cầu công việc, trang bị đồng phục theo kế hoạch được duyệt.
 - Thực hiện việc xin giấy phép thành lập, giải thể, bổ sung ngành kinh doanh của Công ty và các đơn vị trực thuộc, các thủ tục khác liên quan đến Giấy Đăng ký kinh doanh của Công ty.
 - Quản lý lịch làm việc tuần của văn phòng công ty bao gồm: lịch công tác, giao ban, hội họp, v.v... và thông báo đến những tập thể, cá nhân liên quan
- Quản lý tài sản của Công ty và sửa chữa nhỏ:
 - Quản lý hồ sơ nguồn gốc các loại tài sản.
 - Thực hiện việc mua bảo hiểm mọi tài sản.

- Quản lý tốt các phương tiện vận chuyển được giao theo quy định của Công ty; thực hiện công tác đưa đón lãnh đạo, CBCNV và vận chuyển tiền hàng theo lệnh kịp thời và an toàn; đề xuất sửa chữa, bảo dưỡng xe.
 - Theo dõi, tổ chức thực hiện sửa chữa nhỏ các cơ sở vật chất, mặt bằng của Công ty; Phối hợp với bộ phận chức năng, các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiệm thu công trình sửa chữa, giao nhận mặt bằng cho các đối tác, đơn vị trực thuộc sau khi việc sửa chữa hoàn tất.
 - Thực hiện giao nhận các thiết bị, tài sản cho các bộ phận, các đơn vị trực thuộc quản lý; Phối hợp các bộ phận lập các thủ tục liên quan đến vấn đề đền bù, giải tỏa.
 - Lập kế hoạch và thực hiện việc mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị, văn phòng phẩm theo kế hoạch đã được duyệt; Đề xuất sắm mới, thanh lý tài sản không còn sử dụng, bán đấu giá tài sản theo chỉ thị của cấp có thẩm quyền..
- Bảo vệ, an ninh, an toàn tài sản, phòng chống cháy nổ toàn Công ty:
- Xây dựng các phương án bảo vệ tài sản và công tác phòng chống cháy nổ toàn hệ thống công ty; định kỳ tổ chức tập huấn PCCC, nghiệp vụ bảo vệ cho nhân viên bảo vệ.
 - Tổ chức bảo vệ tài sản và phòng chống cháy nổ trên toàn hệ thống công ty đảm bảo an toàn và kịp thời; đảm bảo an ninh cho hoạt động công ty.
 - Thực hiện công tác an toàn về điện, sửa chữa điện theo kế hoạch được duyệt, định kỳ kiểm tra việc sử dụng điện; đề xuất các biện pháp an toàn về điện trên toàn hệ thống công ty.
- Công tác PR, tổ chức sự kiện, công nghệ thông tin:
- Xây dựng tiêu chí văn hóa doanh nghiệp; xây dựng và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu.
 - Xây dựng các chương trình mang tính cộng đồng, đề xuất các phương án tài trợ mang tính thương mại để quảng bá hình ảnh của công ty.
 - Tổ chức hội nghị, các sự kiện của Công ty.
 - Soạn thảo các văn bản, bài phát biểu theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.
 - Thực hiện việc sưu tập và lưu trữ các phim ảnh, băng đĩa, tư liệu về các hoạt động của Công ty.
 - Phối hợp các công ty tư vấn PR triển khai thực hiện các chương trình theo chiến lược, mục tiêu của Công ty; thiết lập và duy trì mối quan hệ tốt với giới truyền thông.
 - Xây dựng và phát triển công nghệ thông tin vào công tác quản lý điều hành doanh nghiệp. Quản lý, vận hành và bảo mật hệ thống cơ sở dữ liệu, phần mềm, phần cứng của hệ thống mạng máy tính của toàn Công ty. Xây dựng và quản lý hệ thống mạng thông tin nội bộ của Công ty.

- Cập nhật, đổi mới hệ thống website tạo ấn tượng tốt đối với khách hàng quan tâm đến sản phẩm, dịch vụ của Công ty; thực hiện đưa tin lên website theo chỉ thị của người công bố thông tin của Công ty.
- Các nhiệm vụ khác do Ban Tổng Giám đốc phân giao.

Điều hành hoạt động của Bộ phận Quản trị Hành chính là Giám đốc Bộ phận, chịu trách nhiệm trước TGD về kết quả hoạt động của Bộ phận mình.

1.2.3 Bộ phận Bộ phận Tài chính- kế toán

Bộ phận tài chính-kế toán tham mưu, giúp việc TGD trong việc đánh giá hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính doanh nghiệp, công tác kế toán; quản lý vốn, tài sản; quản lý tiền mặt. Bộ phận tài chính-kế toán có các chức năng và nhiệm vụ sau:

- Quản trị, đầu tư tài chính, hoạch định ngân sách, huy động vốn phục vụ hoạt động kinh doanh:
 - Xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn hằng năm và kế hoạch dài hạn phù hợp với kế hoạch kinh doanh và chiến lược phát triển của Công ty
 - Huy động kịp thời dòng tiền để đảm bảo hoạt động kinh doanh được thực hiện liên tục và đúng mục tiêu, kế hoạch.
 - Thực hiện phân tích, đánh giá định kỳ các hoạt động đầu tư nhằm chủ động đề xuất biện pháp thanh khoản hoặc rút vốn hoặc tiếp tục đầu tư.
 - Quản lý, điều phối, giám sát các nguồn thu, chi tài chính hằng ngày của Công ty.
 - Hoạch định nguồn vốn và cơ cấu vốn tài trợ cho dự án; tổ chức thực hiện nhiệm vụ huy động vốn để tài trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - Dự báo, tính toán dòng tiền hằng ngày, tuần, tháng, quý và năm để có kế hoạch cân đối dòng tiền cũng như lựa chọn nhóm biện pháp điều phối vốn, hình thức huy động vốn phù hợp.
 - Theo dõi, phân tích diễn biến giao dịch cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán.
 - Xây dựng, duy trì các mối quan hệ với các tổ chức tín dụng và các cơ quan hữu quan Nhà nước.
 - Lập các báo cáo tài chính định kỳ theo quy định pháp luật.
 - Thực hiện việc đầu tư tài chính theo phân cấp của Tổng Giám đốc.
 - Tham mưu Ban Tổng Giám đốc trong việc phân phối lợi nhuận, sử dụng các quỹ, v.v...
 - Tham mưu Ban Tổng Giám đốc trong việc thẩm định hiệu quả tài chính của các dự án đầu tư, thẩm định dự toán, quyết toán các công trình xây dựng cơ bản.
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh toàn Công ty:

- Tham mưu Ban Tổng Giám đốc trong việc lập kế hoạch kinh doanh hàng năm cho toàn Công ty.
 - Tổ chức kiểm soát, theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh (về số liệu) tại các đơn vị trực thuộc Công ty và báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh toàn Công ty.
 - Phân tích định kỳ hoặc đột xuất về hiệu quả, các chỉ tiêu tài chính cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty; qua đó đề xuất các biện pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.
- Quản trị rủi ro:
- Xây dựng các định mức công nợ, hàng tồn và các quy trình thu-chi tiền mặt để kiểm soát, hạn chế rủi ro.
 - Dự báo và phân tích các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty; từ đó tham mưu Ban Tổng Giám đốc các giải pháp.
 - Kiểm kê định kỳ hoặc đột xuất việc quản lý tài sản, hàng hóa, vật tư tại các đơn vị trực thuộc Công ty.
- Tổ chức và quản lý hệ thống kế toán của doanh nghiệp theo đúng quy định:
- Tổ chức thực hiện công tác kế toán, hệ thống sổ sách kế toán theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
 - Hướng dẫn và kiểm tra việc tuân thủ các quy định về thuế, các chế độ báo cáo, sổ sách kế toán theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ công ty đối với công ty con và đơn vị trực thuộc.
 - Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin và số liệu tài chính kế toán theo quy định pháp luật và quy định Công ty.
 - Cập nhật và phổ biến kịp thời các quy định liên quan đến vấn đề tài chính - kế toán cho toàn Công ty.
 - Lập các báo thuế định kỳ theo quy định.
 - Lưu trữ, quản lý hồ sơ, chứng từ kế toán theo đúng quy định Công ty và quy định pháp luật.
- Kiểm soát nội bộ:
- Kiểm soát tính tuân thủ của các bộ phận, các đơn vị trực thuộc Công ty trong việc thực thi pháp luật, điều lệ, quy chế, quy định Công ty, tính tuân thủ các nguyên tắc, quy định về tài chính, thuế do Nhà nước ban hành.
 - Kiểm soát tình hình hoạt động kinh doanh, đầu tư tại các đơn vị trực thuộc, các bộ phận, kịp thời phát hiện và ngăn ngừa những thiệt hại, rủi ro có thể xảy ra.
- Các nhiệm vụ khác do Ban Tổng Giám đốc phân giao.

Điều hành hoạt động của Bộ phận Tài chính-kế toán là Giám Đốc Bộ Phận, chịu trách nhiệm trước TGD về kết quả hoạt động của Bộ phận mình.

Kế toán trưởng Công ty chịu trách nhiệm tổ chức công tác kế toán, hạch toán, lập báo cáo tài chính theo quy định luật Kế toán và quy định pháp luật có liên quan.

1.2.4 Bộ phận Đầu tư phát triển

Bộ phận đầu tư phát triển tham mưu, giúp việc TGD trong lĩnh vực nghiên cứu thị trường; xây dựng chiến lược phát triển Công ty; xúc tiến đầu tư và thương mại; lập dự án đầu tư, quản lý và phát triển công nghệ thông tin của Công ty. Bộ phận đầu tư phát triển có các chức năng và nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu thị trường, tìm kiếm cơ hội đầu tư và phát triển sản phẩm, lĩnh vực mới, lập dự án tiền khả thi và dự án khả thi:
 - Thực hiện nghiên cứu thị trường, xác định mục tiêu kinh doanh; phân tích đánh giá hiện trạng, tìm kiếm cơ hội đầu tư, thị trường tiềm năng để phát triển sản phẩm mới, lĩnh vực kinh doanh mới; lập dự án tiền khả thi trình Ban Tổng Giám đốc duyệt.
 - Tìm kiếm khách hàng tiềm năng, đàm phán đối tác hợp tác có năng lực để đầu tư khai thác phát triển phương án, dự án do Công ty giao.
 - Tìm kiếm quỹ đất, kiểm tra hiện trạng đất của dự án và đề xuất khu đất phù hợp với định hướng kinh doanh của Công ty để tổ chức hoạt động kinh doanh.
 - Lập dự án phát triển khả thi; xác định thời điểm triển khai, lịch triển khai dự án và thực hiện dự án.
- Kiểm soát và thẩm định các dự án đầu tư:
 - Tham mưu Ban Tổng Giám đốc về tính khả thi của dự án; thẩm định các đối tác hợp tác đầu tư, kiểm soát và thẩm định các dự án đầu tư do các bộ phận, đơn vị trực thuộc công ty lập.
 - Tìm hiểu quy hoạch và giá cả thị trường đối với các sản phẩm, lĩnh vực kinh doanh liên quan; dự báo được những rủi ro có thể xảy ra và các biện pháp khắc phục trong quá trình thực hiện dự án.
 - Kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án, giám sát hoạt động và tính khả thi của dự án trong quá trình hoạt động.
- Triển khai thực hiện các quy trình đầu tư xây dựng cơ bản và quản lý giám sát công trình thi công:
 - Tổ chức thực hiện các quy trình đầu tư xây dựng cơ bản (thực hiện các thủ tục về đất đai, quy hoạch, thiết kế - dự toán, tổ chức lựa chọn các nhà

thầu, tổ chức đấu thầu, thi công xây dựng, nghiệm thu, quyết toán công trình và bàn giao công trình), theo dõi bảo hành, bảo trì công trình.

- Tổ chức thực hiện kinh doanh dịch vụ bất động sản:
 - Lập phương án kinh doanh, hợp tác kinh doanh dịch vụ bất động sản.
 - Tổ chức thực hiện kinh doanh dịch vụ bất động sản.
 - Tham mưu Ban Tổng Giám đốc trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản và tổ chức thực hiện kinh doanh bất động sản theo phân cấp của Tổng Giám đốc.
 - Thực hiện soạn thảo các hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản và dịch vụ bất động sản; Theo dõi việc thực hiện và quản lý các hợp đồng dịch vụ bất động sản.
 - Quản lý hoạt động và duy trì khách hàng đối với các bất động sản đã đưa vào sử dụng. Tư vấn khách hàng về các sản phẩm, dịch vụ bất động sản.
- Hỗ trợ các bộ phận, đơn vị trực thuộc trong việc lập dự án, nghiên cứu thị trường theo đề xuất của các bộ phận, đơn vị trực thuộc:
 - Tổ chức thực hiện các quy trình đầu tư xây dựng cơ bản.
 - Tham mưu Ban TGD chọn lựa đơn vị tư vấn, thiết kế, phê duyệt bản thiết kế dự toán công trình và chọn thầu xây dựng; tổ chức đấu thầu, soạn thảo hợp đồng thi công; lựa chọn đơn vị tư vấn giám sát, quản lý dự án.
 - Quản lý giám sát công trình thi công đảm bảo đúng tiến độ, đúng thiết kế quy định.
 - Hoàn tất các thủ tục nghiệm thu bàn giao công trình, chuyển giao bộ phận, đơn vị liên quan để đưa vào hoạt động.
 - Theo dõi bảo hành, bảo trì công trình.
- Các nhiệm vụ khác do Ban Tổng Giám đốc phân giao.

Điều hành hoạt động của Bộ phận đầu tư phát triển là Giám Đốc Bộ Phận, chịu trách nhiệm trước TGD về kết quả hoạt động của Bộ phận mình.

1.2.5 Bộ phận Thương mại-Dịch vụ

Bộ phận Thương mại-Dịch vụ tham mưu, giúp việc TGD trong các hoạt động kinh doanh của Công ty và thực hiện nhiệm vụ tác nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh. Bộ phận Thương mại-Dịch vụ có các chức năng và nhiệm vụ sau:

- Trực tiếp tổ chức hoạt động kinh doanh theo kế hoạch và định hướng của Công ty:

- Trực tiếp tổ chức kinh doanh thương mại - dịch vụ (trừ kinh doanh dịch vụ bất động sản) tại đơn vị theo kế hoạch được giao và phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.
 - Tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh doanh, dịch vụ thuộc phạm vi bộ phận đạt hiệu quả.
 - Lập chứng từ, tổ chức hạch toán theo phân cấp kế toán và các chỉ tiêu tài chính; thực hiện tốt việc thanh toán, thu hồi công nợ trong hoạt động kinh doanh tại đơn vị; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định Công ty và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của TGD.
- Kiểm tra theo dõi, hỗ trợ hoạt động kinh doanh các đơn vị trực thuộc đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao:
- Hướng dẫn nghiệp vụ kinh doanh các đơn vị trực thuộc.
 - Soạn thảo, quản lý các hợp đồng kinh tế liên quan đến hoạt động dịch vụ, thương mại toàn Công ty.
 - Đánh giá các lĩnh vực hoạt động kinh doanh tại các đơn vị trực thuộc của Công ty, các khó khăn, thuận lợi và kịp thời báo cáo, đề xuất TGD hướng giải quyết.
 - Kiểm tra, theo dõi hoạt động kinh doanh chung của các đơn vị trực thuộc, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao.
- Phát triển mạng lưới kinh doanh thương mại và dịch vụ trong hệ thống Công ty:
- Tham mưu Ban Tổng Giám đốc về những thị trường tiềm năng, các mặt hàng, lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả cao, các biện pháp mở rộng quy mô kinh doanh nhằm phát triển mạng lưới kinh doanh của Công ty.
 - Thực hiện phân tích quan hệ cung cầu sản phẩm các lĩnh vực, ngành hàng và đề xuất cải tiến hoặc thu hẹp các sản phẩm, dịch vụ không còn phù hợp thị trường, đề xuất phát triển sản phẩm, dịch vụ mới.
 - Xây dựng và thực hiện kế hoạch marketing quảng bá sản phẩm, dịch vụ.
- Các nhiệm vụ khác do Ban Tổng Giám đốc phân giao.

Điều hành hoạt động của Bộ phận Thương mại-Dịch vụ là Giám Đốc Bộ Phận, chịu trách nhiệm trước TGD về hiệu quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động của Bộ phận mình.

1.2.6 Các đơn vị trực thuộc

Các đơn vị trực thuộc có chức năng trực tiếp kinh doanh theo kế hoạch và định hướng của Công ty; tham mưu giúp việc TGD điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý vốn, vật tư, hàng hóa, tài sản tại đơn vị. Các đơn vị trực thuộc có các quyền và nhiệm vụ như sau :

- Tham mưu TGD về những thị trường tiềm năng, các mặt hàng, lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả cao, các biện pháp mở rộng quy mô kinh doanh của Công ty; đề xuất ý kiến nâng cao hiệu quả kinh doanh tại đơn vị.
- Quản lý, điều hành và khai thác tốt nguồn nhân lực, vốn, hàng hóa, tài sản, ưu thế vị trí kinh doanh tại đơn vị nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất, đảm bảo đạt chỉ tiêu kế hoạch được giao.
- Tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh doanh, dịch vụ thuộc phạm vi đơn vị đạt hiệu quả.
- Thực hiện các quy chế, quy định của Công ty và quy định pháp luật liên quan trong quá trình tổ chức, điều hành hoạt động kinh doanh tại đơn vị.
- Lập chứng từ, tổ chức hạch toán theo phân cấp kế toán và các chỉ tiêu tài chính; thực hiện tốt việc thanh toán, thu hồi công nợ trong hoạt động kinh doanh tại đơn vị; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định Công ty và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của TGD.
- Thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh của Công ty nhằm phát huy tối đa nội lực tổng hợp mạng lưới kinh doanh toàn Công ty.
- Chịu sự kiểm tra, giám sát thường xuyên của Công ty trong việc thực hiện các quy chế, quy định của Công ty, các quy định pháp luật liên quan tại đơn vị.
- Phối hợp chặt chẽ với các bộ phận chuyên môn - nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc khác nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quyết định của Ban Tổng Giám đốc.

Trưởng (Giám đốc) đơn vị trực thuộc Công ty là người tổ chức điều hành mọi hoạt động tại đơn vị, chịu trách nhiệm chính trước TGD về toàn bộ hoạt động và hiệu quả kinh doanh của đơn vị do mình phụ trách.

2. Các thành viên Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Ông Đỗ Hùng Kiệt	Tổng Giám đốc	01/2/2009	-
2. Ông Đào Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	01/5/2009	-
3. Ông Phan Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	01/8/2009	-

3. Thông tin cá nhân của HĐQT, Ban điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng:

3.1 Hội đồng quản trị

❖ Ông : VƯƠNG CÔNG MINH – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- *Giới tính* : *Nam*
- *Năm sinh* : *1954* ▪ *Nơi sinh* : *TP.HCM*
- *Số CMND* : *020350589 cấp ngày 03/08/2005 tại CA Tp. Hồ Chí Minh*
- *Quốc tịch* : *Việt Nam* ▪ *Dân tộc* : *Kinh*
- *Địa chỉ thường trú* : *110 Hoàng Diệu, Phường 12, Quận 4, TP.HCM*
- *Số điện thoại liên lạc* : *3829 3332*
- *Trình độ văn hóa* : *12/12*
- *Trình độ chuyên môn* : *Cử nhân kinh tế, Cử nhân chính trị*
- *Kinh nghiệm làm việc:*
 - *Giám đốc Công ty Vật Tư Quận 1.*
 - *Giám đốc Công ty XNK & Dịch vụ Q.1.*
 - *Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bến Thành.*
 - *Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bến Thành TNHH 1 Thành viên.*
- *Chức vụ công tác hiện nay* : *Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty tại Tổ chức niêm yết*
- *Công việc chính hiện nay* : *Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Bến Thành TNHH 1 Thành viên(TCT Bến Thành là Doanh nghiệp Nhà nước)*
- *Công việc kiêm nhiệm:*
 - *Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Du Lịch Bến Thành – Non Nước.*
 - *Phó Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên Công ty Liên Doanh Khách Sạn Saigon Riverside.*
 - *Phó Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên Công ty TNHH Liên Doanh Khách Sạn Plaza.*
- *Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2011 là: 2.317.473 cổ phần*

Trong đó:

 - *Cá nhân* : *27.091 cổ phần, chiếm 0,31% vốn điều lệ*
 - *Đại diện* : *2.290.382 cổ phần, chiếm 26,02% vốn điều lệ*
(Đại diện cho Tổng Công ty Bến Thành TNHH 1 Thành viên)

▪ *Số cổ phần của những người có liên quan:*

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1. <i>Vương Nguyễn Ngọc Trâm</i>	<i>Con ruột</i>	<i>11.650 cổ phần</i>
2. <i>Tổng Công ty Bến Thành TNHH 1 TV</i>	<i>Phó Chủ tịch HĐQT</i>	<i>3.817.303 cổ phần</i>

▪ *Hành vi vi phạm pháp luật : Không*

▪ *Những khoản nợ đối với Công ty : Không*

▪ *Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không*

▪ *Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không*

❖ **Bà : NGUYỄN THỊ THANH HÀ – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- *Giới tính* : Nữ
- *Năm sinh* : 1954 ▪ *Nơi sinh* : Tiền Giang
- *Số CMND* : 022079623 cấp ngày 04/01/2012 tại CA Tp. Hồ Chí Minh
- *Quốc tịch* : Việt Nam ▪ *Dân tộc* : Kinh
- *Địa chỉ thường trú* : 133 Nguyễn Phúc Nguyên , Phường 10, Quận 3, TP.HCM
- *Số điện thoại liên lạc* : 3822 3390
- *Trình độ văn hóa* : 12/12
- *Trình độ chuyên môn* : Cử nhân kinh tế
- *Kinh nghiệm làm việc:*
 - Kế toán trưởng Xí nghiệp cung ứng Vật tư Quận 1.
 - Kế toán trưởng – Trưởng Phòng Kế toán Công ty Thương mại Tổng hợp Bến Thành.
 - Phó Giám đốc Cty TMTH Bến Thành, thuộc Tổng Công ty Bến Thành.
 - Giám đốc Cty TMTH Bến Thành, thuộc Tổng Công ty Bến Thành.
 - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần TM-DV Bến Thành.
- *Chức vụ công tác hiện nay* : Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
tại Tổ chức niêm yết
- *Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:*
 - Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TM CP Phương Đông.
- *Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2011 là* : 50.000 cổ phần
Trong đó:
 - *Cá nhân* : 50.000 cổ phần, chiếm 0,57% vốn điều lệ.
 - *Đại diện* : 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
- *Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:* Không có
- *Hành vi vi phạm pháp luật* : Không
- *Những khoản nợ đối với Công ty* : Không
- *Lợi ích liên quan đối với Công ty* : Không
- *Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty* : Không

❖ **Ông: ĐỖ HÙNG KIẾT – Thành viên Hội đồng quản trị**

- *Giới tính* : *Nam*
- *Năm sinh* : *1966* ; *Nơi sinh* : *TP.HCM*
- *Số CMND* : *022543770 cấp ngày 17/06/2004 tại CA Tp. Hồ Chí Minh*
- *Quốc tịch* : *Việt Nam* ; *Dân tộc* : *Kinh*
- *Địa chỉ thường trú* : *219/18 Phạm Ngũ Lão, P.Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP.HCM*
- *Số điện thoại liên lạc* : *3822 1967*
- *Trình độ văn hóa* : *12/12*
- *Trình độ chuyên môn* : *Cử nhân kinh tế*
- *Kinh nghiệm làm việc:*
 - *Phó phòng kế toán - tài vụ Công ty TMTH Bến Thành.*
 - *Kế toán trưởng Công ty CP TM - DV Bến Thành.*
 - *Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám đốc Tài chính Công ty CP TM - DV Bến Thành.*
 - *Tổng Giám Đốc Công ty CP TM - DV Bến Thành.*
- *Chức vụ công tác hiện nay* : *Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty tại Tổ chức niêm yết*
- *Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:*
 - *Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny.*
 - *Thành viên HĐQT Công ty cổ Phần Đầu tư và Dịch vụ Dân Sinh.*
- *Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2011 là: 793.461 cổ phần*
Trong đó:
 - *Cá nhân* : *30.000 cổ phần, chiếm 0,34% vốn điều lệ*
 - *Đại diện* : *763.461 cổ phần, chiếm 8,68% vốn điều lệ*
(Đại diện cho Tổng Công ty Bến Thành TNHH 1 Thành viên)
- *Số cổ phần của những người có liên quan* : *Không*
- *Hành vi vi phạm pháp luật* : *Không*
- *Những khoản nợ đối với Công ty* : *Không*
- *Lợi ích liên quan đối với Công ty* : *Không*
- *Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty* : *Không*

❖ **Ông: ĐÀO VĂN HÙNG – Thành viên Hội đồng quản trị**

- *Giới tính* : Nam
- *Năm sinh* : 1955 ; *Nơi sinh* : Đồng Tháp
- *Số CMND* : 020472651 cấp ngày 22/04/2003 tại CA Tp. Hồ Chí Minh
- *Quốc tịch* : Việt Nam ; *Dân tộc* : Kinh
- *Địa chỉ thường trú* : 29 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM
- *Số điện thoại liên lạc* : 3829 0756
- *Trình độ văn hóa* : 12/12
- *Trình độ chuyên môn* : Cử nhân kinh tế, Cử nhân luật, Cử nhân hành chính
- *Kinh nghiệm làm việc:*
 - *Bí thư Phường Đoàn Đông Ba, Ủy viên Quận đoàn Phú Nhuận.*
 - *Cán bộ tổng hợp, Phó phòng, Trưởng phòng tổ chức HCQT Công ty TNHH Chợ Bến Thành, Công ty TMTB Bến Thành.*
 - *Thành viên HĐQT, Giám Đốc Nhân sự - Hành chính Công ty CP TM – DV Bến Thành.*
 - *Phó Tổng giám đốc Công ty CP TM – DV Bến Thành.*
- *Chức vụ công tác hiện* : Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty nay tại Tổ chức niêm yết
- *Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:* Không có
- *Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2011* là: 41.154 cổ phần
- *Trong đó:*
 - *Cá nhân* : 41.154 cổ phần, chiếm 0,47% vốn điều lệ
 - *Đại diện* : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- *Số cổ phần của những người có liên quan:*

<i>Họ và tên</i>	<i>Quan hệ với người khai</i>	<i>Số cổ phần nắm giữ</i>
<i>1. Ngô Thị Kim Loan</i>	<i>Vợ</i>	<i>6.733 cổ phần</i>

- *Hành vi vi phạm pháp luật* : Không
- *Những khoản nợ đối với Công ty:* Không
- *Lợi ích liên quan đối với Công ty:* Không
- *Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:* Không

❖ **Ông: LƯU VĂN SƠN – Thành viên Hội đồng quản trị**

- *Giới tính* : *Nam*
- *Năm sinh* : *1961* ▪ *Nơi sinh* : *Gò Công, Tiền Giang*
- *Số CMND* : *023322974 cấp ngày 29/11/2005 tại CA Tp. Hồ Chí Minh*
- *Quốc tịch* : *Việt Nam* ▪ *Dân tộc* : *Kinh*
- *Địa chỉ thường trú* : *29 Trần Hưng Đạo B, Phường 6, Quận 5, TP.HCM*
- *Số điện thoại liên lạc* : *39101502*
- *Trình độ văn hóa* : *12/12*
- *Trình độ chuyên môn* : *Cử nhân Quản trị kinh doanh*

- *Kinh nghiệm làm việc:*
 - *Công tác tại Văn phòng đại diện Công ty Sovico Zao, Moscow tại TP.HCM.*
 - *Công ty Cổ phần Đầu tư Sóng Việt.*
 - *Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Việt Nga, Phó Tổng Giám đốc Sovico Holdings.*

- *Chức vụ công tác hiện nay* : *Thành viên HĐQT Công ty tại Tổ chức niêm yết*

- *Công việc chính hiện nay* : *Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Việt Nga, Phó Tổng Giám đốc Sovico Holdings.*

- *Công việc kiêm nhiệm:*
 - *Chủ tịch HĐQT Công ty Nhabexims.*
 - *Thành viên HĐQT Ngân hàng HD Bank.*
 - *Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tạp phẩm Sài Gòn.*
 - *Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long.*
 - *Trưởng Ban kiểm soát Công ty SSP*

- *Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2011 là: 0 cổ phần.*

- *Số cổ phần của những người có liên quan:*

<i>Họ và tên</i>	<i>Quan hệ với người khai</i>	<i>Số cổ phần nắm giữ</i>
<i>1. Công ty CP Đầu tư Hạ Tầng Việt Nga</i>	<i>Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc</i>	<i>135.000 cổ phần</i>

- *Hành vi vi phạm pháp luật* : *Không*
- *Những khoản nợ đối với Công ty* : *Không*
- *Lợi ích liên quan đối với Công ty* : *Không*
- *Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty* : *Không*

3.2 Thành viên Ban Tổng Giám Đốc

- ❖ **Ông: ĐỖ HÙNG KIỆT – Tổng Giám Đốc**
Hồ sơ chi tiết đã được thể hiện ở trang 35.

- ❖ **Ông: ĐÀO VĂN HÙNG – Phó Tổng Giám Đốc**
Hồ sơ chi tiết đã được thể hiện ở trang 36.

❖ **Ông: PHAN VĂN QUANG – Phó Tổng Giám Đốc**

- *Giới tính* : *Nam*
- *Năm sinh* : *1965 ; Nơi sinh : Thành phố Huế*
- *Số CMND* : *025251117 cấp ngày 08/4/2010 tại CA Tp. Hồ Chí Minh*
- *Quốc tịch* : *Việt Nam ; Dân tộc : Kinh*
- *Địa chỉ thường trú* : *29/8G Nguyễn Bình Khiêm, P.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM*
- *Số điện thoại liên lạc* : *3822 3390*
- *Trình độ văn hóa* : *12/12*
- *Trình độ chuyên môn* : *Cử nhân Tài chính ngân hàng; Cử nhân kinh tế.*
- *Kinh nghiệm làm việc:*
 - *Kế toán tổng hợp khách sạn Công ty Vận tải ô tô Thừa Thiên Huế.*
 - *Phụ trách kinh doanh Cửa hàng DV điện tử Trường Tiền (TP Huế).*
 - *Trưởng phòng Tài chính kế hoạch Xi nghiệp xây lắp điện Hùng Vương – TP Huế.*
 - *Chuyên viên Tổng Công ty VLXD số 1 – Bộ Xây dựng.*
 - *Thư ký Hội Đồng Quản Trị Tổng công ty VLXD số 1 – BXD.*
 - *Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần Đào tạo và Tư Vấn Tri Thức Việt.*
 - *Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.*
 - *Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.*
- *Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức niêm yết* : *Phó Tổng Giám Đốc Công ty.*
- *Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:*
 - *Thành viên Ban Kiểm soát công ty Cổ phần Hóa An – Biên hoà, Đồng Nai*
- *Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2011 là: 10.000 cổ phần*
Trong đó:
 - *Cá nhân* : *10.000 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ*
 - *Đại diện* : *0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*
- *Số cổ phần của những người có liên quan* : *Không*
- *Hành vi vi phạm pháp luật* : *Không*
- *Những khoản nợ đối với Công ty* : *Không*
- *Lợi ích liên quan đối với Công ty* : *Không*
- *Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty* : *Không*

3.3 Thành viên Ban Kiểm soát

❖ Bà: LÊ THỊ YẾN TUYẾT – Trưởng Ban Kiểm soát

- Giới tính : Nữ
- Năm sinh : 1961 ▪ Nơi sinh : Mỹ Tho
- Số CMND : 020799294 cấp ngày 08/12/2004 tại CA TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam ▪ Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 8A8 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 3823 7449
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính; Đại học Luật
- Kinh nghiệm làm việc:
 - Phó phòng kế toán – tài vụ Công ty TNHH Chợ Bến Thành, Công ty TM-TH Bến Thành.
 - Kế toán trưởng Công ty TM-TH Bến Thành.
 - Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.
- Chức vụ công tác hiện nay : Trưởng Ban kiểm soát, Chủ tịch Công đoàn Công ty tại Tổ chức niêm yết
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2011 là: 411.328 cổ phần
Trong đó:
 - Cá nhân : 29.598 cổ phần, chiếm 0,34% vốn điều lệ
 - Đại diện : 381.730 cổ phần, chiếm 4,33% vốn điều lệ
(Đại diện cho Tổng Công ty Bến Thành TNHH 1 Thành viên)
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Những khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

❖ **Ông: VŨ HOÀNG TUẤN – Thành viên Ban Kiểm soát**

- *Giới tính* : *Nam*
- *Năm sinh* : *1960* ▪ *Nơi sinh* : *Sàigòn*
- *Số CMND* : *020976036 cấp ngày 10/4/2003 tại CA Tp. Hồ Chí Minh*
- *Quốc tịch* : *Việt Nam* ▪ *Dân tộc* : *Kinh*
- *Địa chỉ thường trú* : *163 Trường Chinh, P.12, Q. Tân Bình, TP.HCM*
- *Số điện thoại liên lạc* : *38 242053*
- *Trình độ văn hóa* : *12/12*
- *Trình độ chuyên môn* : *Đại học thương mại ngành kế toán*
- *Kinh nghiệm làm việc:*
 - *Phó phòng kế toán KS.Hải Sơn – Sở AU&KS TP.HCM.*
 - *Kế toán trưởng CN.DVDL - LHSXKDXNK Quận 1.*
 - *Kế toán phó Công ty Liên doanh căn hộ & VP Sài Gòn.*
 - *Kế toán – Phòng TCKT – Tổng Công ty Bến Thành TNHH 1 Thành viên.*
- *Chức vụ công tác hiện nay* : *Thành viên Ban kiểm soát Công ty nay tại Tổ chức niêm yết*
- *Công việc chính hiện nay* : *Trưởng phòng kiểm soát nội bộ Tổng Công ty Bến Thành TNHH 1 Thành viên*
- *Công việc kiêm nhiệm:*
 - *Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP TMDV Bến Thành Tân Bình.*
 - *Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Xuất nhập khẩu giày dép Nam Á.*
 - *Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Bến Thành - Long Hải.*
 - *Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Du Lịch Bến Thành – Non Nước.*
 - *Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Du Lịch Huế.*
- *Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2011 là: 388.088 cổ phần; Trong đó:*
 - *Cá nhân* : *6.358 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ*
 - *Đại diện* : *381.730 cổ phần, chiếm 4,34% vốn điều lệ (Đại diện cho Tổng Công ty Bến Thành TNHH 1 Thành viên)*
- *Số cổ phần của những người có liên quan:*

<i>Họ và tên</i>	<i>Quan hệ với người khai</i>	<i>Số cổ phần nắm giữ</i>
- <i>Tổng Công ty Bến Thành TNHH 1 TV</i>	<i>Trưởng Phòng Kiểm soát nội bộ</i>	<i>3.817.303 cổ phần</i>
- *Hành vi vi phạm pháp luật* : *Không*
- *Những khoản nợ đối với Công ty* : *Không*
- *Lợi ích liên quan đối với Công ty* : *Không*
- *Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty* : *Không*

❖ **Ông: TẠ PHƯỚC ĐẠT – Thành viên Ban Kiểm soát**

- *Giới tính* : Nam
- *Năm sinh* : 1969 ▪ *Nơi sinh* : TP.HCM
- *Số CMND* : 022044724 cấp ngày 16/01/2007 tại CA Tp. Hồ Chí Minh
- *Quốc tịch* : Việt Nam ▪ *Dân tộc* : Kinh
- *Địa chỉ thường trú* : 115/110A Lê Văn Sỹ, Phường 13, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
- *Số điện thoại liên lạc* : 3821 3913
- *Trình độ văn hóa* : 12/12
- *Trình độ chuyên môn* : Cử nhân ngành kế toán
- *Kinh nghiệm làm việc:*
 - Phó phòng kế toán tài vụ Công ty DVTH Sài Gòn.
 - Quyền Kế toán trưởng Công ty DVTH Sài Gòn.
- *Chức vụ công tác hiện* : Thành viên Ban kiểm soát Công ty.
nay tại Tổ chức niêm yết
- *Công việc chính hiện nay* : Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DVTH Sài Gòn (SAVICO)
- *Công việc kiêm nhiệm:*
 - Thành viên HĐQT Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái (VITHAICO)
 - Thành viên HĐQT Công ty CP Bến Thành - Long Hải
 - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TMDV Tổng hợp Bến Thành Savico.
 - Thành viên HĐQT Công ty CP Chứng khoán Phương Đông (ORS)
- *Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2011 là: 151.202 cổ phần*
Trong đó:
 - Cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Đại diện : 151.202 cổ phần, chiếm 1,72% vốn điều lệ

▪ *Số cổ phần của những người có liên quan:*

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1. CTCP DVTH Sài Gòn (SAVICO)	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	151.202 cổ phần

- *Hành vi vi phạm pháp luật* : Không
- *Những khoản nợ đối với Công ty* : Không
- *Lợi ích liên quan đối với Công ty* : Không
- *Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty* : Không

3.4 Kế toán trưởng

❖ Ông : PHẠM HOÀNG NAM – Kế toán trưởng

- Giới tính : Nam
 - Năm sinh : 1966 ▪ Nơi sinh : Sài Gòn
 - Số CMND : 021583288 cấp ngày 20/06/2008 tại CA Tp. Hồ Chí Minh
 - Quốc tịch : Việt Nam ▪ Dân tộc : Kinh
 - Địa chỉ thường trú : 212/170/110 Nguyễn Văn Nguyễn, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM
 - Số điện thoại liên lạc : 3822 3390
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế ngành kế toán
 - Kinh nghiệm làm việc:
 - Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.
 - Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.
 - Chức vụ công tác hiện : Giám đốc Bộ phận tài chính-kế toán kiêm Kế toán trưởng nay tại Tổ chức niêm yết Công ty.
 - Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bến Thành Long Hải.
 - Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2011 là: 5.625 cổ phần
- Trong đó:
- Cá nhân : 5.625 cổ phần, chiếm 0,064% vốn điều lệ
 - Đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 - Những khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

4. Thay đổi Ban Tổng Giám đốc điều hành trong năm:

4.1 **Bổ nhiệm:** không có

4.2 **Miễn nhiệm:** không có

5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

5.1 **Số lượng lao động tại 31/12/2011** : 339 lao động.

Lao động	Số lượng	Tỷ lệ
1. Phân theo giới tính		
- Nam	99	29,20%
- Nữ	240	70,80%
2. Phân theo trình độ		
- Đại học	43	12,68%
- Dưới đại học	296	87,32%

5.2 Các chính sách đối với người lao động :

5.2.1 Chính sách phát triển nguồn nhân lực

Xác định nguồn nhân lực là yếu tố thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp trong dài hạn, Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo & bồi dưỡng ngắn hạn phù hợp với vị trí công tác và năng lực của nhân viên cho toàn thể người lao động trong Công ty, bao gồm đa dạng các ngành nghề đào tạo : Giám đốc điều hành (CEO), Giám đốc tài chính (CFO), Giám đốc phát triển nguồn nhân lực, Quản trị nguồn nhân lực, Nghề nhân sự nâng cao, Quản lý dự án đầu tư xây dựng, Thanh toán quốc tế, Luật thương mại, Quan hệ công chúng (PR – Public Relation), Đánh giá nội bộ, Quản lý hợp đồng kinh tế, Ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh, Chiến lược kinh doanh, Kế toán trưởng, Kỹ năng giao tiếp và chăm sóc khách hàng, Nghiệp vụ bảo vệ, Lái xe, ngoại ngữ : Anh văn, Hoa văn ...

Về kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đến năm 2015, Công ty sẽ đào tạo dài hạn trình độ trên đại học, đại học, trung cấp về quản trị kinh doanh, kinh tế, tài chính, ngân hàng cho 50 cán bộ và tiếp tục đào tạo các lớp nghiệp vụ ngắn hạn cho toàn thể cán bộ, nhân viên.

Bên cạnh đó, Công ty luôn coi trọng việc thu hút nhân tài nhằm bổ sung thêm người giỏi, trẻ, phát triển năng lực – kiến thức – kỹ năng của đội ngũ sẵn có theo hướng chuyên nghiệp hoá, đáp ứng được nhu cầu nhiệm vụ mới trong thời kỳ hội nhập toàn cầu hiện nay.

5.2.2 Chính sách tiền lương, tiền thưởng

Định hướng tiền lương, tiền thưởng phân phối cho người lao động luôn tương xứng với chức danh và kết quả làm việc của người lao động trong từng bộ phận công tác. Tiền lương, tiền thưởng thực sự là đòn bẩy kinh tế kích thích người lao động phấn đấu tăng năng suất lao động và có trách nhiệm với công việc. Đồng thời tạo môi trường làm việc thuận lợi và có cơ hội thăng tiến để họ thực sự cống hiến hết mình cho sự phát triển của Công ty.

5.2.3 Các chính sách khác đối với người lao động

Doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động :

- Đảm bảo việc làm, ổn định được đời sống và thu nhập cho trên 300 cán bộ công nhân viên Công ty.
- Nộp đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.
- Ký hết 100% hợp đồng lao động so với tổng số lao động.
- Tổ chức khám sức khỏe hàng năm cho toàn thể cán bộ công nhân viên.
- Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho người lao động khi nghỉ việc, nghỉ hưu, nghỉ ốm đau, thai sản.

6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, kế toán trưởng trong năm 2011:

6.1 Hội đồng quản trị: Không có thay đổi

6.2 Ban kiểm soát: Không có thay đổi

6.3 Kế toán trưởng: Không có thay đổi

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

A. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

1. Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Chức vụ trong Ban điều hành
1. Ông Vương Công Minh	Chủ tịch	09/4/2009	
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	P. Chủ tịch	09/4/2009	
3. Ông Đỗ Hùng Kiệt	Thành viên	09/4/2009	Tổng Giám đốc
4. Ông Đào Văn Hùng	Thành viên	09/4/2009	P. Tổng GD
5. Ông Lưu Văn Sơn	Thành viên	25/6/2010	

❖ **Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2011:**

- **Phân phối lợi nhuận năm 2010:** Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2010 theo đúng nội dung Điều 5 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 14/4/2011.
- **Hoàn nhập quỹ trợ cấp thôi việc trước thời hạn:** Công ty đã hoàn nhập Quỹ trợ cấp thôi việc trước thời hạn đã trích lập năm 2007 là 445.132.680 đồng vào Lợi nhuận còn lại chưa phân phối của năm 2010 theo nội dung Điều 7 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011.
- **Bổ sung ngành nghề kinh doanh:** Công ty đã hoàn tất việc đăng ký tại Sở Kế hoạch & Đầu tư TP.HCM bổ sung các ngành nghề kinh doanh theo nội dung Điều 8 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011.
- **Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011:** Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ về việc giao Chủ tịch HĐQT Công ty chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính và trên cơ sở đề nghị của Ban kiểm soát Công ty, Chủ tịch HĐQT đã quyết định chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. HCM (AISC) là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành.
- **Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS và quỹ thưởng vượt kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2011:**

Trong năm, Hội đồng quản trị đã tiến hành chi trả thù lao cho HĐQT, BKS với số tiền là 400.000.000 đồng, thực hiện đúng theo nội dung Điều 10 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011.

Thực hiện sự ủy quyền của ĐHĐCĐ theo khoản c Điều 10 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc phân phối quỹ thưởng vượt kế hoạch của HĐQT, BKS với số tiền 500.000.000 đồng, thực hiện trong phạm vi số tiền thưởng đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- **Các hoạt động khác của Hội đồng quản trị năm 2011:**
 - Tổ chức 04 phiên họp thường kỳ và 05 phiên họp bất thường để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự mở rộng tham gia dự họp của Trưởng Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc Bộ phận Tài chính-Kế toán kiêm Kế toán trưởng. Ngoài ra còn tổ chức 10 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT để xem xét giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phát sinh giữa 02 phiên họp.
 - Thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định. Tiếp nhận và xử lý kịp thời thông tin từ nhà đầu tư.

- **Ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị về các vấn đề sau:**

Phê duyệt dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2010 của Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny – công ty con;

Ban hành các quyết định về đầu tư: Trong năm 2011, HĐQT đã ban hành 02 quyết định liên quan công tác đầu tư xây dựng cơ bản, 01 quyết định tham gia góp vốn vào Công ty Cổ phần TMDV Bến Thành Tân Bình, 02 quyết định không tham gia góp vốn vào doanh nghiệp khác;

Ban hành “Quy chế tài chính” (*sửa đổi*) của Công ty CP TM-DV Bến Thành;

Thành lập chi nhánh mới: Chi nhánh Công ty CP TMDV Bến Thành-Nhà hàng 117;

Thay đổi cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ các bộ phận chức năng thuộc khối văn phòng Công ty;

Thay đổi người công bố thông tin của Doanh nghiệp: ông Phạm Hoàng Nam – Giám đốc Bộ phận tài chính-Kế toán kiêm Kế toán trưởng Công ty;

Các quyết định khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh và căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 về chỉ tiêu cổ tức tối thiểu chia cho cổ đông. Hội đồng quản trị đã thực hiện việc chi trả tạm ứng cổ tức năm 2011 cho cổ đông với mức chi trả tạm ứng đợt 1- năm 2011 là 10% và đợt 2 – năm 2011 là 8%.
- Thực hiện phối hợp tốt với Ban Kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty.
- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác để đảm bảo thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ và các quyết định của HĐQT.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức, hoạt động Công ty và Quy chế tổ chức, hoạt động Hội đồng quản trị.

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị, cụ thể là từng thành viên Hội đồng quản trị đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ quản trị hoạt động doanh nghiệp theo đúng định hướng phát triển và những chỉ tiêu kinh doanh do ĐHĐCĐ giao, hành động vì lợi ích cổ đông và vì sự phát triển chung của doanh nghiệp.

Sang năm 2012, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nỗ lực vượt qua mọi thách thức để giữ vững sự ổn định và phát triển trong hoạt động của doanh nghiệp, thực hiện tốt các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao. Đồng thời, Hội đồng quản trị Công ty cũng

mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, gắn bó và đồng thuận của quý cổ đông trong các hoạt động của Công ty.

2. Ban Kiểm Soát:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Chức vụ trong Ban điều hành
1. Bà Lê Thị Yên Tuyết	Trưởng ban	09/4/2009	
2. Ông Vũ Hoàng Tuấn	Thành viên	09/4/2009	
3. Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên	09/4/2009	

❖ Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2011:

- Kiểm tra giám sát việc tuân thủ điều lệ, các quy chế quy định của Công ty.
- Giám sát hoạt động của HĐQT trong suốt niên độ, xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý.
- Tham gia các buổi họp của HĐQT, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc.
- Kiểm soát hoạt động: xem xét đánh giá các hoạt động trọng yếu của công ty, nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó góp ý trong công tác quản trị, biện pháp hạn chế rủi ro trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh, đầu tư của Doanh nghiệp.
- Kiểm soát báo cáo tài chính: luân phiên kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động, quyết toán vốn đầu tư các dự án. Định kỳ kiểm tra và phân tích Báo cáo tài chính hàng quý. Đồng thời, phối hợp kiểm toán độc lập vào giữa kỳ và cuối kỳ nhằm đảm bảo tính chính xác và minh bạch của báo cáo tài chính; giám sát Ban điều hành trong việc thực thi công tác tài chính.
- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của pháp luật. Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.
- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. HCM (AISC) là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011.

3. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của doanh nghiệp tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2012 do Đại hội đồng cổ đông giao.

- Thực hiện cải cách hệ thống tiền lương để tạo động lực cho người lao động, thu hút nguồn nhân lực giỏi đáp ứng sự phát triển của doanh nghiệp trong giai đoạn mới.
- Tiếp tục điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh đến năm 2015 của doanh nghiệp phù hợp tình hình mới.
- Tăng cường công tác dự báo, nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn doanh nghiệp an toàn, hiệu quả.
- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của toàn doanh nghiệp.
- Tăng cường chỉ đạo công tác quản trị rủi ro của toàn doanh nghiệp.
- Thúc đẩy việc hoàn thiện hồ sơ pháp lý, giải quyết vướng mắc trong thủ tục pháp lý các dự án đầu tư xây dựng cơ bản; đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án chưa hoàn thành để sớm đưa vào khai thác trong năm 2012.
- Phát triển sản phẩm mới, đa dạng hàng hóa trong hoạt động kinh doanh bán lẻ; nâng cao chất lượng phục vụ trong các ngành dịch vụ như: cho thuê văn phòng, du lịch, ăn uống.
- Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và các quy chế khác.

4. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho HĐQT, BKS:

- Quyền lợi của thành viên HĐQT: Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hưởng thù lao theo công việc phục vụ cho công ty. Không có thành viên HĐQT nào có những quyền lợi riêng về giao dịch kinh doanh của họ với công ty.
- Thù lao của thành viên HĐQT, BKS và những người điều hành chủ chốt khác của công ty: Theo quy chế lương, thưởng của Công Ty, qui định của nhà nước và Đại hội đồng cổ đông, cụ thể: mức thù lao của Chủ tịch HĐQT là 6.000.000 đồng/tháng, Phó Chủ tịch là 5.000.000 đồng/tháng, các thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát là 3.000.000 đồng/tháng/thành viên. Riêng Trưởng ban kiểm soát làm việc trực tiếp tại công ty được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm là 4.500.000 đồng/quý.

4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT, BKS và Ban điều hành trong năm 2010:

Họ và tên	Chức vụ	31/12/2010			31/12/2011			Thay đổi tỷ lệ (%) sở hữu
		Số CP nắm giữ	Tỷ lệ (%) sở hữu CP	Trong đó CP đại diện vốn nhà nước	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ (%) sở hữu CP	Trong đó CP đại diện vốn nhà nước	
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ								
1. Ông Vương Công Minh	CT	2.055.093	23,35	2.028.002	2.317.473	26,33	2.290.382	2,98
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	P.CT	50.000	0,57		50.000	0,57		
3. Ông Đỗ Hùng Kiệt	TV	706.001	8,02	676.001	793.461	9,02	763.461	1,00
4. Ông Đào Văn Hùng	TV	41.154	0,47		41.154	0,47		
5. Ông Lưu Văn Sơn	TV	-	-		-			
BAN KIỂM SOÁT								
1. Bà Lê Thị Yên Tuyết	T.ban	367.598	4,18	338.000	411.328	4,67	381.730	0,49
2. Ông Vũ Hoàng Tuấn	TV	344.358	3,91	338.000	388.088	4,41	381.730	0,50
3. Ông Tạ Phước Đạt (*)	TV	151.202	1,72		151.202	1,72		
BAN ĐIỀU HÀNH								
1. Ông Phan Văn Quang	PTGD	10.000	0,11		10.000	0,11		
2. Ông Phạm Hoàng Nam	KTT	3.625	0,04		5.625	0,06		0,02
TỔNG CỘNG		3.729.031	42,37	3.380.003	4.168.331	47,37	3.817.303	5,00

(*) Nắm giữ cổ phần đại diện cho Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

B. Các dữ liệu thống kê về cổ đông tại ngày 22/12/2011.

1. Thông tin chung về cơ cấu cổ đông:

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I.	Trong nước	544	8.796.930	99,97
1	Nhà nước	1	3.817.303	43,38
2	HĐQT, BTGD, BKS, KTT	8	199.826	2,27
3	Cá nhân	518	3.704.119	42,09
4	Tổ chức	17	1.075.682	12,22
II.	Nước ngoài	5	3.070	0,03
1	Cá nhân	3	2.700	0,03
2	Tổ chức	2	370	0,00
	Tổng cộng	549	8.800.000	100,00

2. Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu đến 31/12/2011	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công Ty Bến Thành TNHH Một thành viên	27 Nguyễn Trung Trực, Q1, TP.HCM	3.817.303	43,38

3. Tình hình giao dịch liên quan của các cổ đông lớn:

- Căn cứ báo cáo kết quả giao dịch số 24/BC-TCT ngày 26/5/2011 của Tổng Công ty Bến Thành-TNHH Một thành viên về việc tăng tỷ lệ sở hữu từ 38,41% lên 43,41% do đã mua 440.000 cổ phần từ ngày 31/3/2011 đến ngày 26/5/2011.
- Căn cứ báo cáo kết quả giao dịch số 04/BC-TCT ngày 30/1/2012 của Tổng Công ty Bến Thành-TNHH Một thành viên về việc giảm tỷ lệ sở hữu từ 43,41% xuống còn 43,4% do đã bán 2.710 cổ phần và mua 1.000 cổ phần từ ngày 24/11/2011 đến ngày 20/1/2012.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2012

Chủ tịch HĐQT

Vương Công Minh

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH

PHỤ LỤC

1. Ý kiến kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất
2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011
3. Ý kiến kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính của công ty mẹ
4. Báo cáo tài chính của công ty mẹ năm 2011



Số: 0511269-HN/AISC-DN2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011
 CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Kính gửi:

**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
 Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 10 tháng 02 năm 2012 của CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc về trách nhiệm của Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

KIỂM TOÁN VIÊN

Phạm Thị Thanh Mai

Số chứng chỉ KTV: 1044/KTV
 Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

TP. HCM, ngày 21 tháng 02 năm 2012



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Vinh

Số chứng chỉ KTV: Đ0112/KTV
 Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

51
 NG
 HIỆ
 N
 TH
 CHẾ
 H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		158.832.731.634	131.866.666.705
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	76.700.436.410	42.733.715.884
	1. Tiền	111		7.657.960.327	9.272.407.746
	2. Các khoản tương đương tiền	112		69.042.476.083	33.461.308.138
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	255.525.000	340.700.000
	1. Đầu tư ngắn hạn	121		886.980.000	886.980.000
	2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác	122		(631.455.000)	(546.280.000)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.134.823.560	39.189.985.833
	1. Phải thu của khách hàng	131		4.475.362.187	2.710.554.682
	2. Trả trước cho người bán	132		2.737.852.678	5.606.677.347
	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
	4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
	5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	37.027.888.536	31.966.059.650
	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.106.279.841)	(1.093.305.846)
IV.	Hàng tồn kho	140	V.04	37.125.194.417	49.431.313.748
	1. Hàng tồn kho	141		37.125.194.417	49.431.313.748
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.616.752.247	170.951.240
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		109.761.079	119.667.134
	2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
	5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	1.506.991.168	51.284.106

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		188.096.855.041	205.107.933.745
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		149.768.729.418	154.001.081.737
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	78.185.268.208	77.680.372.740
- Nguyên giá	222		104.495.921.509	97.408.146.942
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.310.653.301)	(19.727.774.202)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	24.866.100.000	24.866.100.000
- Nguyên giá	228		24.898.100.000	24.898.100.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.000.000)	(32.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	46.717.361.210	51.454.608.997
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	32.369.170.805	45.857.204.868
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.206.652.605	2.993.379.868
3. Đầu tư dài hạn khác	258		46.604.687.446	50.907.540.867
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(17.442.169.246)	(8.043.715.867)
V. Lợi thế thương mại	260		1.747.059.146	1.996.639.024
VI. Tài sản dài hạn khác	270		4.211.895.672	3.253.008.116
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.14	3.838.895.672	3.248.508.116
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	273	V.14	373.000.000	4.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		346.929.586.675	336.974.600.450

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A.	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		82.760.828.511	72.402.758.952
I.	Nợ ngắn hạn	310		52.266.366.633	35.768.337.580
	1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	9.220.418.504	1.220.418.504
	2. Phải trả cho người bán	312		22.419.361.279	21.309.186.054
	3. Người mua trả tiền trước	313		2.544.174.414	1.590.693.200
	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	12.208.295.800	3.936.461.778
	5. Phải trả người lao động	315		2.125.066.695	5.557.372.590
	6. Chi phí phải trả	316	V.17	140.000.000	120.000.000
	7. Phải trả nội bộ	317		-	-
	8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	334.577.090	742.034.182
	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.274.472.851	1.292.171.272
	12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		30.494.461.878	36.634.421.372
	1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
	2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
	3. Phải trả dài hạn khác	333	V.19	27.945.207.307	30.651.397.540
	4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	1.830.627.750	3.371.370.274
	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	445.132.680
	7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
	8. Doanh thu chưa thực hiện	338		718.626.821	2.166.520.878
	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		262.559.652.438	263.267.351.216
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	262.559.652.438	263.267.351.216
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		88.000.000.000	88.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		127.419.120.000	127.419.120.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		12.359.335	2.543.685
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.156.926.111	9.156.926.111
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.084.019.966	4.476.647.318
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		31.887.227.026	34.212.114.102
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		1.609.105.726	1.304.490.282
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	540		346.929.586.675	336.974.600.450

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		76.327.000	62.407.000
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		81.715,45	9.515,81
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. HCM, ngày 10 tháng 02 năm 2012

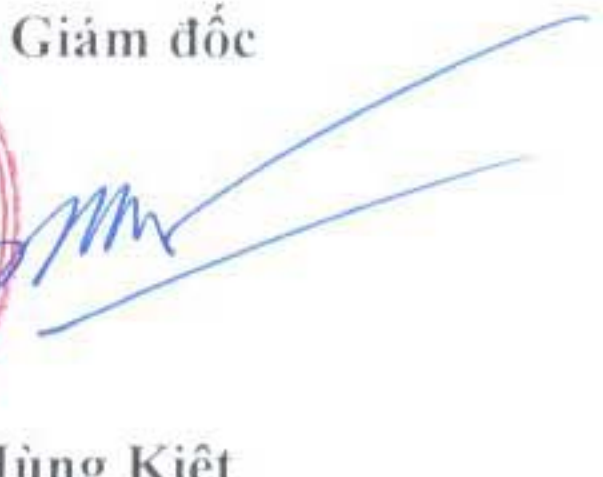
Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Nam



Tổng Giám đốc



Đỗ Hùng Kiệt


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 25	311.134.505.670	272.301.426.601
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 27	311.134.505.670	272.301.426.601
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 28	210.737.531.963	190.257.105.744
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		100.396.973.707	82.044.320.857
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	13.659.270.521	12.053.897.720
7. Chi phí tài chính	22	VI. 30	14.153.570.592	4.089.455.197
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		785.282.802	2.480.746.156
8. Chi phí bán hàng	24		35.198.053.562	29.244.888.624
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.809.865.907	17.696.880.360
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		44.894.754.167	43.066.994.396
11. Thu nhập khác	31	V.31	337.063.964	1.917.487.318
12. Chi phí khác	32	V.32	29.275.849	1.894.352.640
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		307.788.115	23.134.678
14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		465.600.011	403.756.873
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		45.668.142.293	43.493.885.947
16a. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.33	11.285.634.676	10.280.752.823
16b. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		34.382.507.617	33.213.133.124
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số và chia cho hợp tác kinh doanh	61		650.849.850	499.150.317
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty (62 = 60 - 61)	62		33.731.657.767	32.713.982.807
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.36	3.833	3.717

Kế toán trưởng




Phạm Hoàng Nam

TP HCM, ngày 10 tháng 02 năm 2012



Tổng Giám đốc



Đỗ Hùng Kiệt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		45.668.142.293	43.493.885.947
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định	02		6.990.629.100	6.084.743.488
- Các khoản dự phòng	03		9.496.602.374	720.144.684
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		7.200.000	46.773.574
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.076.342.610)	(10.808.381.842)
- Chi phí Lãi vay	06		785.282.802	2.480.746.156
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động				
3. vốn lưu động	08		52.871.513.959	42.017.912.007
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(4.049.633.376)	6.969.238.537
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		12.306.119.331	(5.275.588.994)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		6.346.824.395	5.625.549.760
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(580.481.501)	36.367.455
- Tiền Lãi vay đã trả	13		(785.282.802)	(2.480.746.156)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(11.027.456.755)	(10.445.652.587)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		4.875.571.908	9.612.252.847
- Tiền Chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(14.584.200.636)	(12.190.163.131)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		45.372.974.523	33.869.169.738
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(2.758.276.781)	(13.762.509.256)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22		18.818.182	208.318.182
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25		(10.931.940.860)	(11.389.196.478)
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		15.234.794.281	14.179.804.001
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		9.888.478.055	10.838.994.716
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		11.451.872.877	75.411.165

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		12.500.000.000	9.750.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.040.742.524)	(29.353.056.051)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(29.320.000.000)	(17.150.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.860.742.524)	(36.753.056.051)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50		33.964.104.876	(2.808.475.148)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		42.733.715.884	45.587.874.528
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.615.650	(45.683.496)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		76.700.436.410	42.733.715.884

Kế toán trưởng

Phạm Hoàng Nam



ngày 10 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc

Đỗ Hùng Kiệt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

1. Thành lập: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước trước đây là Công ty Thương mại Tổng hợp Bến Thành theo Quyết định số 5435/QĐUB ngày 16/12/2003 của Ủy ban Nhân dân TP. HCM. Ngày 21/4/2004, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103002274 cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành. Qua các lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hiện nay công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301164065 thay đổi lần thứ 12 ngày 24/06/2011.

2. Hình thức sở hữu vốn : vốn cổ phần.

3. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại - Dịch vụ.

4. Ngành nghề kinh doanh:

Mua bán hàng gia dụng, lương thực, thực phẩm, nước giải khát, thực phẩm tươi sống, rượu, vải sợi, hàng may mặc, đồ da và giả da, hàng kim khí điện máy, thiết bị phụ tùng, công nghệ phẩm, vật liệu xây dựng, chất đốt, hàng điện lạnh - điện gia dụng, dụng cụ điện cầm tay, tiểu ngũ kim các loại, khóa các loại, thiết bị phụ tùng máy phục vụ công - nông - ngư nghiệp, máy vi tính và linh kiện phụ tùng, nguyên vật liệu, kim loại thành phẩm và bán thành phẩm sử dụng trong xây dựng, hàng gia dụng, hàng lưu niệm, mỹ phẩm, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em, tranh sơn mài, hàng mây tre lá, sản phẩm thêu các loại, đồng hồ mắt kính, vàng bạc đá quý, thiết bị sản xuất vàng, băng đĩa từ, vật tư ngành ảnh, đồ bảo hộ lao động, dụng cụ y tế.

Mua bán, chế biến nông - lâm - thủy - hàn sản; sản xuất, gia công hàng thủ công mỹ nghệ, quần áo, sản phẩm kim loại. Mua bán dầu nhớt, thiết bị phòng cháy chữa cháy, viễn thông, cơ khí, mỡ thực phẩm, dầu động vật và thực vật, các sản phẩm từ động thực vật, chế biến từ sữa các loại.

Kinh doanh nhà, cho thuê nhà, căn hộ, văn phòng; sửa chữa nhà, trang trí nội thất, cho thuê kho bãi, dịch vụ nhà đất, môi giới thương mại. Lắp ráp, sửa chữa thiết bị viễn thông, đo đạc, cảnh báo các loại. Dịch vụ khai thuế hải quan.

Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, cho thuê xe, dịch vụ lao động. Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính), lập dự án, dự toán công trình xây dựng; Tư vấn du học, đào tạo ngoại ngữ; Quảng cáo thương mại. Đại lý bán vé máy bay.

Dịch vụ tổ chức biểu diễn nghệ thuật không chuyên nghiệp. Kinh doanh lưu trú du lịch: nhà hàng - khách sạn, khu du lịch nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí.

5. Công ty con

Công ty con là tất cả các công ty chịu sự kiểm soát của công ty mẹ " Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành" trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho công ty mẹ. Các công ty con được loại trừ khỏi hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Tổng số các công ty con : một (01)

Số lượng các công ty con được hợp nhất : một (01)

Số lượng các công ty con không được hợp nhất : không (0)

Danh sách công ty con được hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***1. Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny**

- Trụ sở : 13-15 Calmette, Quận I, Tp.HCM.
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ : 90%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 90%.

6. Công ty liên kết**Danh sách các công ty liên kết****1. Công ty CP Đầu tư & Kỹ thuật XD Bến Thành**

- Trụ sở : 25 Trương Định, Quận I, Tp.HCM.
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần TM DV Bến Thành : 30%.

Tính đến thời điểm 31/12/2011, Công ty CP Đầu tư & Kỹ thuật XD Bến Thành chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Công ty TNHH TM DV Tổng hợp Bến Thành Savico

- Trụ sở : 17 - 19 Trần Hưng Đạo, Quận I, Tp.HCM.
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần TM DV Bến Thành : 23,33%.

3. Công ty CP Đầu tư & Dịch vụ Dân Sinh

- Trụ sở : 104 Yersin, Quận I, Tp.HCM.
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần TM DV Bến Thành : 25%.

Tính đến thời điểm 31/12/2011, Công ty CP Đầu tư & Dịch vụ Dân Sinh chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

8. Tổng số nhân viên đến cuối kỳ: 345 người.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con. Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận thuần được phân phối cho các chủ sở hữu không có quyền kiểm soát, được thể hiện riêng biệt trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo được lập trên cơ sở dồn tích. Các chính sách kế toán của công ty mẹ và công ty con áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong các năm trước.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động của các công ty con.

Toàn bộ các tài khoản và các nghiệp vụ giao dịch trong nội bộ công ty đã được loại trừ.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành và Báo cáo tài chính của một (01) công ty con nêu trên.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá nhập trước xuất trước.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

11/01/2012 10:00:00 AM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

5.4 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>25 - 30 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>6 - 10 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>6 - 10 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>3 - 6 năm</i>

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Phần mềm máy vi tính đã khấu hao xong.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết: được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Phương pháp vốn chủ sở hữu là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của công ty liên kết.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác: Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

15
 NH
 TI
 HI
 14

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được lập khi Công ty khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp; Được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm: Chi phí công cụ dụng cụ, máy móc và chi phí sửa chữa tài sản ... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả: được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các thành viên hay cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ **Thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

+ **Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.**

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của các khoản mục tiền tệ và nợ ngắn hạn được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục Vốn chủ sở hữu, và sẽ được ghi giảm trong kỳ tiếp theo.

+ **Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.**

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; Chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***16. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, chênh lệch tỷ giá phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm tài chính được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng cân đối kế toán. Khi tài sản hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn này được phân bổ dần vào thu nhập tài chính (chênh lệch tỷ giá tăng) hoặc chi phí tài chính (chênh lệch tỷ giá giảm) không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối năm tài chính

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2011: 20.828 VNĐ/USD.

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"), và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10") sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo VAS 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư 201 như sau:

Nghiệp vụ	Xử lý kế toán theo Thông tư 201	Xử lý kế toán theo VAS 10
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục Vốn chủ sở hữu, và sẽ được ghi giảm trong kỳ tiếp theo.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo Công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng số lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng 5 năm tiếp theo.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ảnh hưởng đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính của Công ty nếu Công ty áp dụng VAS 10 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là không trọng yếu cho toàn bộ báo cáo.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2011	01/01/2011
Tiền	7.657.960.327	9.272.407.746
Tiền mặt	2.860.754.000	4.519.195.300
Tiền gửi ngân hàng	4.797.206.327	4.753.212.446
Các khoản tương đương tiền	69.042.476.083	33.461.308.138
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng	69.042.476.083	33.461.308.138
Cộng	76.700.436.410	42.733.715.884

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư ngắn hạn khác	34.070	886.980.000	34.070	886.980.000
<i>Ngân hàng TMCP</i>				
<i>Phương Nam - PNB</i>	34.070	886.980.000	34.070	886.980.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(631.455.000)		(546.280.000)
Cộng	34.070	255.525.000	34.070	340.700.000

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
Phải thu Công ty CP Chứng khoán Phương Đông	-	10.000.000.000
Phải thu Tổng Công ty Bến Thành	34.000.000.000	21.000.000.000
Phải thu Trường THPT tư thục Phan Bội Châu	1.890.000.000	-
Phải thu Công ty TNHH Bến Thành Savico	105.000.000	140.000.000
Phải thu khác	1.032.888.536	826.059.650
Cộng	37.027.888.536	31.966.059.650

4. Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
Nguyên liệu, vật liệu	31.539.546	10.336.962
Hàng hoá	37.093.654.871	36.105.178.353
Hàng hoá bất động sản	-	13.315.798.433
Cộng giá gốc hàng tồn kho	37.125.194.417	49.431.313.748
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	37.125.194.417	49.431.313.748

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

5. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
Tài sản ngắn hạn khác	1.506.991.168	51.284.106
Tạm ứng	306.132.000	51.284.106
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.200.859.168	-
Cộng	1.506.991.168	51.284.106

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	73.799.960.639	18.795.879.049	3.773.223.266	1.039.083.988	97.408.146.942
<i>Mua trong năm</i>	-	83.012.750	-	12.773.000	95.785.750
<i>ĐT XD CB h. thành</i>	5.309.218.579	2.090.520.239	-	-	7.399.738.818
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(320.000.000)	-	(87.750.001)	(407.750.001)
Số dư cuối năm	79.109.179.218	20.649.412.038	3.773.223.266	964.106.987	104.495.921.509
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	9.003.614.351	8.032.882.651	1.866.481.693	824.795.507	19.727.774.202
<i>Khấu hao trong năm</i>	3.348.186.520	3.084.628.900	461.922.852	95.890.828	6.990.629.100
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(320.000.000)	-	(87.750.001)	(407.750.001)
Số dư cuối năm	12.351.800.871	10.797.511.551	2.328.404.545	832.936.334	26.310.653.301
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	64.796.346.288	10.762.996.398	1.906.741.573	214.288.481	77.680.372.740
Số dư cuối năm	66.757.378.347	9.851.900.487	1.444.818.721	131.170.653	78.185.268.208

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 7.712.845.640 VNĐ.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.929.801.626 VNĐ.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: không có.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	24.866.100.000	-	32.000.000	24.898.100.000
Số dư cuối năm	24.866.100.000	-	32.000.000	24.898.100.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	-	32.000.000	32.000.000
Số dư cuối năm	-	-	32.000.000	32.000.000
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	24.866.100.000	-	-	24.866.100.000
Số dư cuối năm	24.866.100.000	-	-	24.866.100.000

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

31/12/2011

01/01/2011

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án

+ Công trình cao ốc văn phòng 2-4 Lưu Văn Lang	-	2.950.782.391
+ Công trình cao ốc văn phòng 120 Bến Chương Dương	32.323.771.955	32.320.135.591
+ Công trình cao ốc văn phòng 129-131 Tôn Thất Đạm	10.272.808.419	9.532.564.159
+ Công trình căn hộ Splendor	1.210.058.182	6.220.638.000
+ Công trình khách sạn 25 Trương Định	2.809.586.290	-
+ Công trình khác	101.136.364	430.488.856
Cộng	46.717.361.210	51.454.608.997

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

31/12/2011

01/01/2011

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào cty liên kết, liên doanh		3.206.652.605		2.993.379.868
+ Cty CP Đầu tư & KT XD Bến Thành		1.200.000.000		1.200.000.000
+ Cty TNHH TM DV TH Bến Thành Savico		1.506.652.605		1.293.379.868
+ Cty CP Đầu tư & Dịch vụ Dân Sinh		500.000.000		500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	4.042.126	46.604.687.446	4.272.702	50.907.540.867
Đầu tư cổ phiếu	570.702	8.932.984.993	801.278	11.345.838.414
+ Cty CP Chứng khoán Phương Đông	-	-	500.000	5.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
+ Cty CP TM DV Bến Thành Tân Bình	440.000	5.720.000.000		
+ Cty CP Bảo hiểm Viễn Đông	100.000	2.800.000.000	100.000	2.800.000.000
+ Ngân hàng TMCP EximBank	30.702	412.984.993	201.278	3.545.838.414
Đầu tư dài hạn khác	3.471.424	37.671.702.453	3.471.424	39.561.702.453
+ Cty CP Bến Thành Long Hải	361.200	3.612.000.000	361.200	3.612.000.000
+ Cty TNHH Chợ Cửa khẩu Mộc Bài		1.000.000.000		1.000.000.000
+ Cty TNHH Phở 2000		100.000.000		100.000.000
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông	3.110.224	32.959.702.453	3.110.224	32.959.702.453
+ Trường THPT Tư thục Phan Bội Châu - CS3				1.890.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(17.442.169.246)		(8.043.715.867)
Cộng	4.042.126	32.369.170.805	4.272.702	45.857.204.868

Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư:

- + Cổ phiếu Công ty Chứng khoán Phương Đông giảm 500.000 CP, tương ứng giảm 5 tỷ đồng do đã bán hết.
- + Cổ phiếu Công ty CP TM DV Bến Thành Tân Bình tăng 440.000 CP, tương ứng tăng 5,72 tỷ đồng do đầu tư mới.
- + Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Eximbank giảm 170.576 CP, tương ứng giảm 3.132.853.421 đồng do bán bớt.
- + Khoản đầu tư vào trường THPT Tư thục Phan Bội Châu - CS3 giảm 1,89 tỷ đồng do thu hồi toàn bộ vốn đầu tư.

14. Chi phí trả trước dài hạn và tài sản dài hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
Chi phí trả trước dài hạn	3.838.895.672	3.248.508.116
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	224.733.283	253.672.960
Chi phí sửa chữa TSCĐ	3.614.162.389	2.994.835.156
Tài sản dài hạn khác	373.000.000	4.500.000
Ký quỹ ký cược dài hạn	373.000.000	4.500.000
+ Ngân hàng TMCP Công Thương - CN 1	250.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ Công ty CP vật tư tổng hợp TP.HCM	120.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN TP.HCM	1.000.000	-
+ Công ty Bảo hiểm Bảo Minh	2.000.000	-
+ Ban Quản lý chợ Bến Thành	-	4.500.000
Cộng	4.211.895.672	3.253.008.116
15. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2011	01/01/2011
Vay ngắn hạn Ngân hàng Công Thương CN 1	8.000.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Vietcombank	1.220.418.504	1.220.418.504
Cộng	9.220.418.504	1.220.418.504
16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2011	01/01/2011
Thuế giá trị gia tăng	1.692.840.695	1.033.979.712
Thuế xuất, nhập khẩu	1.133.268	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.034.814.937	2.776.637.016
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	7.119.886.284	-
Thuế thu nhập cá nhân	359.620.616	125.845.050
Cộng	12.208.295.800	3.936.461.778
17. Chi phí phải trả	31/12/2011	01/01/2011
Phí kiểm toán	140.000.000	120.000.000
Cộng	140.000.000	120.000.000
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
Kinh phí công đoàn	22.724.346	66.971.460
Bảo hiểm xã hội	-	286.000
Bảo hiểm y tế	35.390.893	29.925.187
Cổ tức chưa trả	176.368.000	156.572.900
Các khoản phải trả, phải nộp khác	100.093.851	488.278.635
Cộng	334.577.090	742.034.182
19. Phải trả dài hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (nhận tiền cọc cho thuê mặt bằng)	27.945.207.307	30.651.397.540
Cộng	27.945.207.307	30.651.397.540
20. Vay và nợ dài hạn	31/12/2011	01/01/2011
Vay dài hạn	1.830.627.750	3.371.370.274
Vay ngân hàng	1.830.627.750	3.371.370.274
+ Ngân hàng Vietcombank	1.830.627.750	3.051.046.254
+ Ngân hàng Seabank	-	320.324.020
Cộng	1.830.627.750	3.371.370.274

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***Thuyết minh các khoản nợ vay ngân hàng***Ngân hàng Vietcombank gồm có các hợp đồng vay sau:*

Số hợp đồng	Ngày vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
0159/KH/08 DH	20/06/2008	26/06/2014	Theo lãi suất vay dài hạn của VCB	Giá trị xây dựng công trình 90-92 Đinh Tiên Hoàng

B
C
Đ
M
V
H
H
/

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

22. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	88.000.000.000	127.419.120.000	1.453.607	9.156.926.111	3.168.247.165	23.964.250.434	251.709.997.317
Lợi nhuận						32.713.982.807	32.713.982.807
Tăng khác			99.914.153		1.308.400.153		1.408.314.306
Trích lập quỹ						(5.313.371.805)	(5.313.371.805)
Chia cổ tức						(16.720.000.000)	(16.720.000.000)
Giảm khác			(98.824.075)			(432.747.334)	(531.571.409)
Số dư cuối năm trước	88.000.000.000	127.419.120.000	2.543.685	9.156.926.111	4.476.647.318	34.212.114.102	263.267.351.216
Số dư đầu năm nay	88.000.000.000	127.419.120.000	2.543.685	9.156.926.111	4.476.647.318	34.212.114.102	263.267.351.216
Lợi nhuận						33.731.657.767	33.731.657.767
Tăng khác			166.970.091		1.607.372.648	445.132.680	2.219.475.419
Trích lập quỹ						(7.053.350.249)	(7.053.350.249)
Chia cổ tức						(29.040.000.000)	(29.040.000.000)
Giảm khác			(157.154.441)			(408.327.274)	(565.481.715)
Số dư cuối năm nay	88.000.000.000	127.419.120.000	12.359.335	9.156.926.111	6.084.019.966	31.887.227.026	262.559.652.438

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

22. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2011	01/01/2011
Vốn góp của Nhà nước	43,41%	38.200.030.000	33.800.030.000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	56,59%	49.799.970.000	54.199.970.000
Cộng	100,00%	88.000.000.000	88.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011	Năm 2010
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	88.000.000.000	88.000.000.000
<i>Vốn góp đầu năm</i>	88.000.000.000	88.000.000.000
<i>Vốn góp cuối năm</i>	88.000.000.000	88.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	29.040.000.000	16.720.000.000

d. Cổ tức

	Năm 2011	Năm 2010
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ	18%	30%
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường</i>	18%	30%

đ. Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.800.000	8.800.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.800.000	8.800.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	8.800.000	8.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2011	01/01/2011
Quỹ đầu tư phát triển	9.156.926.111	9.156.926.111
Quỹ dự phòng tài chính	6.084.019.966	4.476.647.318
Cộng	15.240.946.077	13.633.573.429

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

*Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.**Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào xử lý khi doanh nghiệp gặp rủi ro về kinh doanh hoặc thua lỗ kéo dài.***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD****25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2011	Năm 2010
Doanh thu bán hàng	233.135.810.395	222.311.127.245
Doanh thu cung cấp dịch vụ	56.352.919.821	47.358.050.265
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	21.645.775.454	2.632.249.091
Cộng	311.134.505.670	272.301.426.601

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2011	Năm 2010
27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	233.135.810.395	222.311.127.245
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	56.352.919.821	47.358.050.265
Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản đầu tư	21.645.775.454	2.632.249.091
Cộng	311.134.505.670	272.301.426.601
28. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	171.598.563.881	172.515.627.936
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	20.142.185.732	15.412.345.717
Chi phí kinh doanh bất động sản	18.996.782.350	2.329.132.091
Cộng	210.737.531.963	190.257.105.744
29. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.215.498.784	8.153.111.191
Cổ tức, lợi nhuận được chia	392.664.457	2.292.804.076
Lãi kinh doanh chứng khoán	46.321.165	1.607.908.586
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.786.115	73.867
Cộng	13.659.270.521	12.053.897.720
30. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	785.282.802	2.480.746.156
Lỗ bán chứng khoán	3.812.980.111	1.067.295.537
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	64.458.300	98.217.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.200.000	46.773.574
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	9.483.628.379	396.422.930
Chi phí tài chính khác	21.000	-
Cộng	14.153.570.592	4.089.455.197
31. Thu nhập khác		
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý Tài sản cố định	18.818.182	208.318.182
Thu tiền phạt do vi phạm Hợp đồng kinh tế	270.120.200	414.250.000
Thu nhập khác	48.125.582	1.294.919.136
Cộng	337.063.964	1.917.487.318
32. Chi phí khác		
Chi phí nhượng bán, thanh lý Tài sản cố định	-	540.641.651
Tiền phạt do vi phạm Hợp đồng kinh tế, hành chính	7.388.201	10.179.142
Chi phí khác	21.887.648	1.343.531.847
Cộng	29.275.849	1.894.352.640

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2011	Năm 2010
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45.668.142.293	43.493.885.947
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(525.603.589)	(2.370.874.656)
- Các khoản điều chỉnh tăng	332.660.879	325.686.293
- Các khoản điều chỉnh giảm	(858.264.468)	(2.696.560.949)
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	45.142.538.704	41.123.011.291
4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.285.634.676	10.280.752.823
5. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
6. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	<u>11.285.634.676</u>	<u>10.280.752.823</u>
35. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2011	Năm 2010
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.757.189.866	1.574.543.380
Chi phí nhân công	36.079.380.940	29.817.574.169
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.091.322.084	1.073.115.751
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.673.086.632	6.628.911.276
Chi phí khác	9.406.939.947	7.847.624.408
Cộng	<u>55.007.919.469</u>	<u>46.941.768.984</u>
36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.731.657.767	32.713.982.807
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	33.731.657.767	32.713.982.807
Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.800.000	8.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.833</u>	<u>3.717</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**3. Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm
Công ty TNHH TM DV TH Bến Thành Savico	Công ty liên kết	DT cho thuê mặt bằng	1.218.194.400	
		Nhận tiền cọc thuê mặt bằng		104.892.000
		Doanh thu nhận trước		105.105.000
Tổng Công ty Bến Thành	Cổ đông	Phải thu ngắn hạn khác		34.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh : bán hàng hóa thương mại, dịch vụ nhà hàng, dịch vụ cho thuê mặt bằng, dịch vụ khác và bán hàng hóa bất động sản đầu tư. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận.

Kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Doanh thu	Giá vốn	Lãi gộp
Bộ phận bán hàng hóa thương mại	233.135.810.395	171.598.563.881	61.537.246.514
Bộ phận dịch vụ nhà hàng	3.626.975.272	2.043.912.473	1.583.062.799
Bộ phận dịch vụ cho thuê mặt bằng	50.198.854.894	15.801.311.703	34.397.543.191
Bộ phận dịch vụ du lịch	2.306.434.592	2.131.039.446	175.395.146
Bộ phận dịch vụ khác	220.655.063	165.922.110	54.732.953
Bộ phận bán hàng hóa bất động sản đầu tư	21.645.775.454	18.996.782.350	2.648.993.104
Cộng	311.134.505.670	210.737.531.963	100.396.973.707

Kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Doanh thu	Giá vốn	Lãi gộp
Bộ phận bán hàng hóa thương mại	222.311.127.245	172.515.627.936	49.795.499.309
Bộ phận dịch vụ nhà hàng	2.940.960.000	1.568.449.616	1.372.510.384
Bộ phận dịch vụ cho thuê mặt bằng	44.373.336.174	13.843.896.101	30.529.440.073
Bộ phận dịch vụ khác	43.754.091	-	43.754.091
Bộ phận bán hàng hóa bất động sản đầu tư	2.632.249.091	2.329.132.091	303.117.000
Cộng	272.301.426.601	190.257.105.744	82.044.320.857

Kế toán trưởng

Phạm Hoàng Nam

TP. HCM ngày 10 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc



Đỗ Hùng Kiệt



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) **Fax:** (84.8) 3930 4281
Email: aisc@aisc.com.vn **Website:** www.aisc.com.vn



Số: 0511269-BT/AISC-DN2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Kính gửi:

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 16 tháng 01 năm 2012 của CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

KIỂM TOÁN VIÊN

Phạm Thị Thanh Mai

Số chứng chỉ KTV: 1044/KTV
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



Phạm Văn Vinh

Số chứng chỉ KTV: Đ0112/KTV
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		147.099.420.732	123.896.062.600
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	68.043.616.795	36.401.491.770
1. Tiền	111		7.501.140.712	8.440.183.632
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.542.476.083	27.961.308.138
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	255.525.000	340.700.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		886.980.000	886.980.000
2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác	122		(631.455.000)	(546.280.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.261.158.030	37.551.605.842
1. Phải thu của khách hàng	131		1.601.696.657	1.072.174.691
2. Trả trước cho người bán	132		2.737.852.678	5.606.677.347
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	37.027.888.536	31.966.059.650
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.106.279.841)	(1.093.305.846)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	37.125.194.417	49.431.313.748
1. Hàng tồn kho	141		37.125.194.417	49.431.313.748
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.413.926.490	170.951.240
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		106.935.322	119.667.134
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	1.306.991.168	51.284.106

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		196.573.274.628	212.996.153.459
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		148.798.860.756	152.479.320.343
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	77.215.399.546	76.158.611.346
- Nguyên giá	222		101.333.510.509	94.245.735.942
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.118.110.963)	(18.087.124.596)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	24.866.100.000	24.866.100.000
- Nguyên giá	228		24.898.100.000	24.898.100.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.000.000)	(32.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	46.717.361.210	51.454.608.997
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	43.562.518.200	57.263.825.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		12.000.000.000	12.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.400.000.000	2.400.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		46.604.687.446	50.907.540.867
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(17.442.169.246)	(8.043.715.867)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.211.895.672	3.253.008.116
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	3.838.895.672	3.248.508.116
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263	V.14	373.000.000	4.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		343.672.695.360	336.892.216.059

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		86.148.706.208	75.955.296.275
I. Nợ ngắn hạn	310		51.556.329.626	34.695.487.671
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	9.220.418.504	1.220.418.504
2. Phải trả cho người bán	312		22.419.361.279	21.309.186.054
3. Người mua trả tiền trước	313		2.544.174.414	1.590.693.200
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	11.608.440.635	2.924.654.047
5. Phải trả người lao động	315		2.125.066.695	5.557.372.590
6. Chi phí phải trả	316	V.17	140.000.000	120.000.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	334.577.090	740.629.782
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.164.291.009	1.232.533.494
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		34.592.376.582	41.259.808.604
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.19	32.043.122.011	35.276.784.772
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	1.830.627.750	3.371.370.274
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	445.132.680
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		718.626.821	2.166.520.878
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

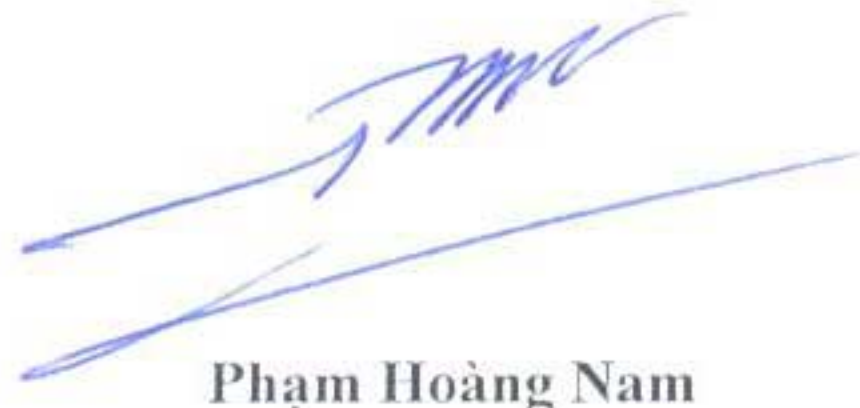
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		257.523.989.152	260.936.919.784
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	257.523.989.152	260.936.919.784
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		88.000.000.000	88.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		127.419.120.000	127.419.120.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		12.359.335	2.543.685
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.156.926.111	9.156.926.111
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.084.019.966	4.476.647.318
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		26.851.563.740	31.881.682.670
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		343.672.695.360	336.892.216.059

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		76.327.000	62.407.000
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		81.715,45	9.515,81
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Nam

TP. HCM, ngày 16 tháng 01 năm 2012



Tổng Giám đốc



Đỗ Hùng Kiệt


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 25	303.112.380.583	264.877.875.253
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 27	303.112.380.583	264.877.875.253
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 28	210.737.531.963	190.257.105.744
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		92.374.848.620	74.620.769.509
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	15.478.176.780	15.659.302.386
7. Chi phí tài chính	22	VI. 30	14.153.570.592	4.089.455.197
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		785.282.802	2.480.746.156
8. Chi phí bán hàng	24		35.198.053.562	29.244.888.624
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.576.914.598	16.229.925.358
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		39.924.486.648	40.715.802.716
11. Thu nhập khác	31	V.31	337.062.422	1.917.349.120
12. Chi phí khác	32	V.32	21.887.648	1.884.173.498
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		315.174.774	33.175.622
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		40.239.661.422	40.748.978.338
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.33	9.289.172.441	8.601.525.384
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		30.950.488.981	32.147.452.954
18. Chia cho hợp tác kinh doanh	61		56.250.000	-
19. Lợi nhuận sau thuế còn lại (62 = 60 - 61)	62		30.894.238.981	32.147.452.954

Kế toán trưởng


Phạm Hoàng Nam

TP-HCM, ngày 16 tháng 01 năm 2012



Tổng Giám đốc


Đỗ Hùng Kiệt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		40.239.661.422	40.748.978.338
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định	02		6.438.736.368	5.532.850.756
- các khoản dự phòng	03		9.496.602.374	720.144.684
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		7.200.000	46.773.574
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.679.228.736)	(14.259.609.513)
- Chi phí Lãi vay	06		785.282.802	2.480.746.156
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động				
3. vốn lưu động	08		45.288.254.230	35.269.883.995
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(2.614.347.837)	8.406.053.833
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		12.306.119.331	(5.275.588.994)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		6.366.314.244	5.551.722.971
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(577.655.744)	(199.035.579)
- Tiền Lãi vay đã trả	13		(785.282.802)	(2.480.746.156)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(8.687.671.467)	(8.652.225.198)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		4.875.571.908	9.612.252.847
- Tiền Chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(15.011.829.100)	(12.629.000.999)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		41.159.472.763	29.603.316.720
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(2.758.276.781)	(13.762.509.256)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22		18.818.182	208.318.182
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25		(10.931.940.860)	(11.389.196.478)
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		15.234.794.281	14.179.804.001
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		11.497.384.314	14.234.399.382
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		13.060.779.136	3.470.815.831

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		12.500.000.000	9.750.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.040.742.524)	(29.353.056.051)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(29.040.000.000)	(16.720.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.580.742.524)	(36.323.056.051)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50		31.639.509.375	(3.248.923.500)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		36.401.491.770	39.696.098.766
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.615.650	(45.683.496)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		68.043.616.795	36.401.491.770

Kế toán trưởng

Phạm Hoàng Nam

TP HCM, ngày 16 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám đốc



Đỗ Hùng Kiệt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước trước đây là Công ty Thương mại Tổng hợp Bến Thành theo Quyết định số 5435/QĐUB ngày 16/12/2003 của Ủy ban Nhân dân TP. HCM. Ngày 21/4/2004, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103002274 cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành. Qua các lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hiện nay công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301164065 thay đổi lần thứ 12 ngày 24/06/2011.

2. Hình thức sở hữu vốn : vốn cổ phần.

3. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại - Dịch vụ

4. Ngành nghề kinh doanh:

Mua bán hàng gia dụng, lương thực, thực phẩm, nước giải khát, thực phẩm tươi sống, rượu, vải sợi, hàng may mặc, đồ da và giả da, hàng kim khí điện máy, thiết bị phụ tùng, công nghệ phẩm, vật liệu xây dựng, chất đốt, hàng điện lạnh - điện gia dụng, dụng cụ điện cầm tay, tiểu vũ kim các loại, khóa các loại, thiết bị phụ tùng máy phục vụ công - nông - ngư nghiệp, máy vi tính và linh kiện phụ tùng, nguyên vật liệu, kim loại thành phẩm và bán thành phẩm sử dụng trong xây dựng, hàng gia dụng, hàng lưu niệm, mỹ phẩm, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em, tranh sơn mài, hàng mây tre lá, sản phẩm thêu các loại, đồng hồ mắt kính, vàng bạc đá quý, thiết bị sản xuất vàng, băng đĩa từ, vật tư ngành ảnh, đồ bảo hộ lao động, dụng cụ y tế.

Mua bán, chế biến nông - lâm - thủy - hải sản; sản xuất, gia công hàng thủ công mỹ nghệ, quần áo, sản phẩm kim loại. Mua bán dầu nhớt, thiết bị phòng cháy chữa cháy, viễn thông, cơ khí, mỡ thực phẩm, dầu động vật và thực vật, các sản phẩm từ động thực vật, chế biến từ sữa các loại.

Kinh doanh nhà, cho thuê nhà, căn hộ, văn phòng; sửa chữa nhà, trang trí nội thất, cho thuê kho bãi, dịch vụ nhà đất, môi giới thương mại. Lắp ráp, sửa chữa thiết bị viễn thông, đo đạc, cảnh báo các loại. Dịch vụ khai thuế hải quan.

Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, cho thuê xe, dịch vụ lao động. Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính), lập dự án, dự toán công trình xây dựng; Tư vấn du học, đào tạo ngoại ngữ; Quảng cáo thương mại. Đại lý bán vé máy bay.

Dịch vụ tổ chức biểu diễn nghệ thuật không chuyên nghiệp. Kinh doanh lưu trú du lịch: nhà hàng - khách sạn, khu du lịch nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Tổng số nhân viên đến cuối năm: 339 người.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá nhập trước xuất trước.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

4.4 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 - 30 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
Tài sản cố định vô hình	
Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.	
Phần mềm máy tính đã khấu hao xong.	

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con: khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản đầu tư vào Công ty con được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết: được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác: Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được lập khi Công ty khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

15
N
H
T
H
H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp; Được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm: Chi phí công cụ dụng cụ, máy móc và chi phí sửa chữa tài sản ... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả: được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các thành viên hay cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.

+ **Thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

+ Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của các khoản mục tiền tệ và nợ ngắn hạn được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục Vốn chủ sở hữu, và sẽ được ghi giảm trong kỳ tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***+ Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.**

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; Chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

16. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, chênh lệch tỷ giá phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm tài chính được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng cân đối kế toán. Khi tài sản hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn này được phân bổ dần vào thu nhập tài chính (chênh lệch tỷ giá tăng) hoặc chi phí tài chính (chênh lệch tỷ giá giảm) không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối năm tài chính

11/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2011: 20.828 VNĐ/USD.

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"), và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10") sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo VAS 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư 201 như sau:

Nghiệp vụ	Xử lý kế toán theo Thông tư 201	Xử lý kế toán theo VAS 10
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục Vốn chủ sở hữu, và sẽ được ghi giảm trong kỳ tiếp theo.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo Công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng số lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng 5 năm tiếp theo.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Ảnh hưởng đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính của Công ty nếu Công ty áp dụng VAS 10 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là không trọng yếu cho toàn bộ báo cáo.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2011	01/01/2011
Tiền	7.501.140.712	8.440.183.632
Tiền mặt	2.848.683.200	4.517.803.300
Tiền gửi ngân hàng	4.652.457.512	3.922.380.332

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các khoản tương đương tiền		60.542.476.083	27.961.308.138
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng		60.542.476.083	27.961.308.138
Cộng		68.043.616.795	36.401.491.770
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
	31/12/2011	01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng
			Giá trị
Đầu tư ngắn hạn khác	34.070	886.980.000	34.070
<i>Ngân hàng TMCP</i>			
<i>Phương Nam - PNB</i>	34.070	886.980.000	34.070
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(631.455.000)	
			(546.280.000)
Cộng	34.070	255.525.000	34.070
			340.700.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		31/12/2011	01/01/2011
Phải thu Công ty CP Chứng khoán Phương Đông		-	10.000.000.000
Phải thu Tổng Công ty Bến Thành		34.000.000.000	21.000.000.000
Phải thu Trường THPT tư thục Phan Bội Châu		1.890.000.000	-
Phải thu Công ty TNHH Bến Thành Savico		105.000.000	140.000.000
Phải thu khác		1.032.888.536	826.059.650
Cộng		37.027.888.536	31.966.059.650
4. Hàng tồn kho		31/12/2011	01/01/2011
Nguyên liệu, vật liệu		31.539.546	10.336.962
Hàng hoá		37.093.654.871	36.105.178.353
Hàng hoá bất động sản		-	13.315.798.433
Cộng giá gốc hàng tồn kho		37.125.194.417	49.431.313.748
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho		37.125.194.417	49.431.313.748
5. Tài sản ngắn hạn khác		31/12/2011	01/01/2011
Tài sản ngắn hạn khác		1.306.991.168	51.284.106
Tạm ứng		106.132.000	51.284.106
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn		1.200.859.168	-
Cộng		1.306.991.168	51.284.106

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	73.799.960.639	16.830.212.549	2.696.707.466	918.855.288	94.245.735.942
<i>Mua trong năm</i>	-	83.012.750	-	12.773.000	95.785.750
<i>ĐT XD CB h. thành</i>	5.309.218.579	2.090.520.239	-	-	7.399.738.818
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(320.000.000)	-	(87.750.001)	(407.750.001)
Số dư cuối năm	79.109.179.218	18.683.745.538	2.696.707.466	843.878.287	101.333.510.509
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	9.003.614.351	6.928.739.899	1.405.117.789	749.652.557	18.087.124.596
<i>Khấu hao trong năm</i>	3.348.186.520	2.716.581.316	308.134.884	65.833.648	6.438.736.368
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(320.000.000)	-	(87.750.001)	(407.750.001)
Số dư cuối năm	12.351.800.871	9.325.321.215	1.713.252.673	727.736.204	24.118.110.963
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	64.796.346.288	9.901.472.650	1.291.589.677	169.202.731	76.158.611.346
Số dư cuối năm	66.757.378.347	9.358.424.323	983.454.793	116.142.083	77.215.399.546

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 7.712.845.640 VNĐ.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.929.801.626 VNĐ.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: không có.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	24.866.100.000	-	32.000.000	24.898.100.000
Số dư cuối năm	24.866.100.000	-	32.000.000	24.898.100.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	-	32.000.000	32.000.000
Số dư cuối năm	-	-	32.000.000	32.000.000
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	24.866.100.000	-	-	24.866.100.000
Số dư cuối năm	24.866.100.000	-	-	24.866.100.000

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

31/12/2011

01/01/2011

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án

+ Công trình cao ốc văn phòng 2-4 Lưu Văn Lang	-	2.950.782.391
+ Công trình cao ốc văn phòng 120 Bến Chương Dương	32.323.771.955	32.320.135.591
+ Công trình cao ốc văn phòng 129-131 Tôn Thất Đạm	10.272.808.419	9.532.564.159
+ Công trình khách sạn 25 Trương Định	2.809.586.290	-
+ Công trình căn hộ Splendor	1.210.058.182	6.220.638.000
+ Công trình khác	101.136.364	430.488.856
Cộng	46.717.361.210	51.454.608.997

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty con		12.000.000.000		12.000.000.000
Cty TNHH Bến Thành Sun Ny		12.000.000.000		12.000.000.000
Đầu tư vào cty liên kết, liên doanh		2.400.000.000		2.400.000.000
+ Cty CP Đầu tư & KT XD Bến Thành		1.200.000.000		1.200.000.000
+ Cty TNHH TM DV TH Bến Thành Savico		700.000.000		700.000.000
+ Cty CP Đầu tư & Dịch vụ Dân Sinh		500.000.000		500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư dài hạn khác	4.042.126	46.604.687.446	4.272.702	50.907.540.867
Đầu tư cổ phiếu	570.702	8.932.984.993	801.278	11.345.838.414
+ Cty CP Chứng khoán Phương Đông	-	-	500.000	5.000.000.000
+ Cty CP TMDV Bến Thành Tân Bình	440.000	5.720.000.000	-	-
+ Cty CP Bảo hiểm Viễn Đông	100.000	2.800.000.000	100.000	2.800.000.000
+ Ngân hàng TMCP EximBank	30.702	412.984.993	201.278	3.545.838.414
Đầu tư dài hạn khác	3.471.424	37.671.702.453	3.471.424	39.561.702.453
+ Cty CP Bến Thành Long Hải	361.200	3.612.000.000	361.200	3.612.000.000
+ Cty TNHH Chợ Cửa khẩu Mộc Bài		1.000.000.000		1.000.000.000
+ Cty TNHH Phở 2000		100.000.000		100.000.000
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông	3.110.224	32.959.702.453	3.110.224	32.959.702.453
+ Trường THPT Tư thục Phan Bội Châu - CS3		-		1.890.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(17.442.169.246)		(8.043.715.867)
Cộng	4.042.126	43.562.518.200	4.272.702	57.263.825.000

Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư:

- + Cổ phiếu Công ty Chứng khoán Phương Đông giảm 500.000 CP, tương ứng giảm 5 tỷ đồng do đã bán hết.
- + Cổ phiếu Công ty CP TM DV Bến Thành Tân Bình tăng 440.000 CP, tương ứng tăng 5,72 tỷ đồng do đầu tư mới.
- + Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Eximbank giảm 170.576 CP, tương ứng giảm 3.132.853.421 đồng do bán bớt.
- + Khoản đầu tư vào trường THPT Tư thục Phan Bội Châu - CS3 giảm 1,89 tỷ đồng do thu hồi toàn bộ vốn đầu tư.

14. Chi phí trả trước dài hạn và tài sản dài hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
Chi phí trả trước dài hạn	3.838.895.672	3.248.508.116
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	224.733.283	253.672.960
Chi phí sửa chữa TSCĐ	3.614.162.389	2.994.835.156
Tài sản dài hạn khác	373.000.000	4.500.000
Ký quỹ ký cược dài hạn	373.000.000	4.500.000
+ Ngân hàng TMCP Công Thương - CN 1	250.000.000	-
+ Công ty CP vật tư tổng hợp TP.HCM	120.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN TP.HCM	1.000.000	-
+ Công ty Bảo hiểm Bảo Minh	2.000.000	-
+ Ban Quản lý chợ Bến Thành	-	4.500.000
Cộng	4.211.895.672	3.253.008.116
15. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2011	01/01/2011
Vay ngắn hạn Ngân hàng Công Thương CN1	8.000.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Vietcombank	1.220.418.504	1.220.418.504
Cộng	9.220.418.504	1.220.418.504
16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2011	01/01/2011
Thuế giá trị gia tăng	1.613.828.937	885.980.541
Thuế xuất, nhập khẩu	1.133.268	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.515.971.530	1.914.470.556
Thuế thu nhập cá nhân	357.620.616	124.202.950
Các loại thuế khác	7.119.886.284	-
Cộng	11.608.440.635	2.924.654.047
17. Chi phí phải trả	31/12/2011	01/01/2011
Phí kiểm toán	140.000.000	120.000.000
Cộng	140.000.000	120.000.000
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
Kinh phí công đoàn	22.724.346	66.971.460
Bảo hiểm y tế	35.390.893	29.866.687
Cổ tức chưa trả	176.368.000	156.572.900
Các khoản phải trả, phải nộp khác	100.093.851	487.218.735
Cộng	334.577.090	740.629.782
19. Phải trả dài hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (nhận tiền cọc cho thuê mặt bằng)	32.043.122.011	35.276.784.772
Cộng	32.043.122.011	35.276.784.772
20. Vay và nợ dài hạn	31/12/2011	01/01/2011
Vay dài hạn	1.830.627.750	3.371.370.274
Vay ngân hàng	1.830.627.750	3.371.370.274
+ Ngân hàng Vietcombank	1.830.627.750	3.051.046.254
+ Ngân hàng Seabank	-	320.324.020
Cộng	1.830.627.750	3.371.370.274

Thuyết minh các khoản nợ vay ngân hàng

Ngân hàng Vietcombank gồm có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Ngày vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
0159/KH/08 DH	20/06/2008	26/06/2014	Theo lãi suất vay dài hạn của VCB	Giá trị xây dựng công trình 90-92 Đinh Tiên Hoàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

22. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	88.000.000.000	127.419.120.000	1.453.607	9.156.926.111	3.168.247.165	22.053.830.327	249.799.577.210
Lợi nhuận						32.147.452.954	32.147.452.954
Tăng khác			99.914.153				99.914.153
Trích lập quỹ					1.308.400.153	(5.233.600.611)	(3.925.200.458)
Chia cổ tức						(16.720.000.000)	(16.720.000.000)
Giảm khác			(98.824.075)			(366.000.000)	(464.824.075)
Số dư cuối năm trước	88.000.000.000	127.419.120.000	2.543.685	9.156.926.111	4.476.647.318	31.881.682.670	260.936.919.784
Số dư đầu năm nay	88.000.000.000	127.419.120.000	2.543.685	9.156.926.111	4.476.647.318	31.881.682.670	260.936.919.784
Tăng vốn							-
Lợi nhuận						30.894.238.981	30.894.238.981
Tăng khác			166.970.091		1.607.372.648	445.132.680	2.219.475.419
Trích lập quỹ						(6.963.490.591)	(6.963.490.591)
Chia cổ tức						(29.040.000.000)	(29.040.000.000)
Giảm khác			(157.154.441)			(366.000.000)	(523.154.441)
Số dư cuối năm nay	88.000.000.000	127.419.120.000	12.359.335	9.156.926.111	6.084.019.966	26.851.563.740	257.523.989.152

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

22. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2011	01/01/2011
Vốn góp của Nhà nước	43,41%	38.200.030.000	33.800.030.000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	56,59%	49.799.970.000	54.199.970.000
Cộng	100,00%	88.000.000.000	88.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011	Năm 2010
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	88.000.000.000	88.000.000.000
<i>Vốn góp đầu năm</i>	88.000.000.000	88.000.000.000
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
<i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
<i>Vốn góp cuối năm</i>	88.000.000.000	88.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	29.040.000.000	16.720.000.000

d. Cổ tức

	Năm 2011	Năm 2010
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ		
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường</i>	18%	30%

đ. Cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.800.000	8.800.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.800.000	8.800.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	8.800.000	8.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2011	01/01/2011
Quỹ đầu tư phát triển	9.156.926.111	9.156.926.111
Quỹ dự phòng tài chính	6.084.019.966	4.476.647.318
Cộng	15.240.946.077	13.633.573.429

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào xử lý khi doanh nghiệp gặp rủi ro về kinh doanh hoặc thua lỗ kéo dài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

	Năm 2011	Năm 2010
25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	233.135.810.395	222.311.127.245
Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.330.794.734	39.934.498.917
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	21.645.775.454	2.632.249.091
Cộng	303.112.380.583	264.877.875.253
27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	233.135.810.395	222.311.127.245
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	48.330.794.734	39.934.498.917
Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản đầu tư	21.645.775.454	2.632.249.091
Cộng	303.112.380.583	264.877.875.253
28. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	171.598.563.881	172.515.627.936
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	20.142.185.732	15.412.345.717
Chi phí kinh doanh bất động sản	18.996.782.350	2.329.132.091
Cộng	210.737.531.963	190.257.105.744
29. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.304.405.043	7.678.515.857
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.122.664.457	6.372.804.076
Lãi kinh doanh chứng khoán	46.321.165	1.607.908.586
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.786.115	73.867
Cộng	15.478.176.780	15.659.302.386
30. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	785.282.802	2.480.746.156
Lỗ bán chứng khoán	3.812.980.111	1.067.295.537
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	64.458.300	98.217.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.200.000	46.773.574
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	9.483.628.379	396.422.930
Chi phí tài chính khác	21.000	-
Cộng	14.153.570.592	4.089.455.197
31. Thu nhập khác		
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý Tài sản cố định	18.818.182	208.318.182
Thu tiền phạt do vi phạm Hợp đồng kinh tế	270.120.200	414.250.000
Thu nhập khác	48.124.040	1.294.780.938
Cộng	337.062.422	1.917.349.120

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2011	Năm 2010
32. Chi phí khác		
Chi phí nhượng bán, thanh lý Tài sản cố định	-	540.641.651
Chi phí khác	21.887.648	1.343.531.847
Cộng	21.887.648	1.884.173.498
33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.239.661.422	40.748.978.338
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	39.692.800	29.927.273
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.122.664.457)	(6.372.804.076)
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	37.156.689.765	34.406.101.535
4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.289.172.441	8.601.525.384
5. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
6. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	9.289.172.441	8.601.525.384
35. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.757.189.866	1.574.543.380
Chi phí nhân công	35.737.609.845	29.502.271.169
Chi phí khấu hao tài sản cố định	539.429.352	521.223.019
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.640.698.253	6.574.932.494
Chi phí khác	9.100.040.844	7.301.843.920
Cộng	53.774.968.160	45.474.813.982

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

3. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm
Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny	Công ty con	DT cho thuê mặt bằng	2.655.451.171	
		Lợi nhuận được chia	2.520.000.000	
		Nhận tiền cọc thuê mặt bằng		10.945.054.944
Công ty TNHH TM DV TH Bến Thành Savico	Công ty liên kết	DT cho thuê mặt bằng	1.218.194.400	
		Lợi nhuận được chia	210.000.000	
		Doanh thu nhận trước		105.105.000
		Nhận tiền cọc thuê mặt bằng		104.892.000
		Phải thu cổ tức		105.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm
Tổng Công ty Bến Thành	Cổ đông	Phải thu ngắn hạn khác		34.000.000.000

Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Nam

TP. HCM ngày 16 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám đốc



Đỗ Hùng Kiệt

